

Quảng Trị đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam

■ Luật gia: TRƯƠNG QUANG SÁNG



Ngày 09/11/1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; là đạo luật gốc do Quốc hội ban hành có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quy định những vấn đề cơ bản nhất về

chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, xã hội; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Bản Hiến pháp năm 1946, đánh dấu mốc son trong lịch sử lập pháp của nước ta. Với ý nghĩa đó, ngày 09/11 được lấy làm Ngày Pháp luật Việt Nam và đã được chính thức luật hóa trong Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012, Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một

số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL.

Hàng năm, Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật, đề cao giá trị của pháp luật. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý sâu rộng này, nhằm cổ vũ, khuyến khích các cơ quan, tổ chức và mọi người trong xã hội tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm,

nghĩa vụ công dân, ý thức tự giác chấp hành pháp luật, bảo vệ pháp luật; góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường chất lượng và khả năng thực thi pháp luật. Đồng thời, xác định trách nhiệm của Nhà nước bảo đảm, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền được thông tin về pháp luật.

Cùng với các địa phương khác trong cả nước, tỉnh Quảng Trị luôn coi việc thực hiện Ngày Pháp luật là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và tập trung triển khai tổ chức đồng bộ, chặt chẽ từ cấp tỉnh đến cơ sở. Để nhằm tạo sự thống nhất đồng bộ trong chỉ đạo việc triển khai các hoạt động ngày pháp luật UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức hưởng ứng “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2025 trên địa bàn tỉnh nhằm tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong quản lý đất nước và kiến tạo sự phát triển xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; giáo dục ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội. Đồng thời, đưa việc triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật trở thành hoạt động thường xuyên, phát huy tính tích cực, tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

và Nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, thi hành pháp luật, bảo đảm văn hóa tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân được thực thi trên địa bàn tỉnh.

Ngày Pháp luật không chỉ tập trung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật trước, trong ngày 09/11 mà đã được triển khai nhiều giải pháp linh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, tạo sự lan tỏa về nhận thức, hiểu biết pháp luật đến thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật hướng tới mục tiêu mỗi ngày trong năm đều là Ngày Pháp luật. Hằng năm, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đều tổ chức các hoạt động cao điểm trong dịp Ngày Pháp luật như hội nghị, diễn đàn trao đổi; thực hiện phóng sự hưởng ứng Ngày Pháp luật phát trên sóng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; đồng thời định hướng công tác tổ chức Ngày Pháp luật, tuyên truyền, PBGDPL cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian tiếp theo. Việc tuyên truyền, cổ động tạo hiệu ứng sâu rộng trong đời sống xã hội thông qua treo pa nô, áp phích; băng rôn các khẩu hiệu tuyên truyền về tổ chức và thi hành pháp luật tại các khu vực trung tâm, trục đường chính trên địa bàn trung tâm của các địa phương.

Đồng thời UBND tỉnh định hướng rõ nội dung cần tuyên

truyền, phổ biến các văn bản, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân phải đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, sát đúng với thực tiễn đời sống Nhân dân và nhiệm vụ chính trị của tỉnh; tập trung quán triệt sâu sắc các Nghị quyết của Đảng mang tính trụ cột để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường đó là: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; các chương

trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh đối với các Nghị quyết trên; các chủ trương, chính sách thực hiện sắp xếp, tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các luật, pháp lệnh, văn bản mới được thông qua năm 2024 và năm 2025; những nội dung pháp luật thiết thực với người dân, doanh nghiệp như pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phòng, chống tội phạm; an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, phòng, chống bạo lực học đường, vi phạm pháp luật trên không gian mạng; pháp luật về doanh nghiệp, lao động; bảo vệ trẻ em; thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)... nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội và Nhân dân tham gia thực hiện.

Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Đa dạng hóa phương thức truyền thông

chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; tập trung truyền thông những vấn đề nóng hoặc có nhiều ý kiến khác nhau cần định hướng dư luận xã hội, các vấn đề gắn với nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2025, truyền thông, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của pháp luật quốc tế. Gắn PBGDPL với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện thể chế và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

Việc hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2025 gắn với tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, kế hoạch về PBGDPL trên địa bàn tỉnh: Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”; Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030”; Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022- 2027”; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” và các

kế hoạch phối hợp trong công tác PBGDPL giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức tổng kết và trao giải thưởng Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024” trên địa bàn tỉnh nhằm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn hoạt động hưởng ứng ngày pháp luật với việc tiếp tục đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật Việt Nam, xuyên tạc nội dung các Luật đang có hiệu lực thi hành và trong quá trình Quốc hội thảo luận cho ý kiến đối với các dự án Luật, nhất là những dự án Luật có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống Nhân dân; thông tin, phản ánh, tôn vinh gương người tốt việc tốt, điển hình trong xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật.

Phương pháp, hình thức tổ chức Ngày pháp luật trên địa bàn tỉnh ngày càng đa dạng, phong phú, sáng tạo, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị. Từ đó, tiếp tục nhân rộng, lan tỏa các hình thức tuyên truyền hiệu quả như: chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động PBGDPL qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; PBGDPL thông qua Trang Thông tin điện tử của đơn vị, địa phương và các

kênh mạng xã hội. Sở Tư pháp – Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh đã sử dụng có hiệu quả các kênh mạng xã hội Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube, Tiktok: Phổ Biến Pháp Luật Quảng Bình; định kỳ biên soạn và ghi âm các nội dung tuyên truyền (mỗi tháng 04 kỳ) gửi cho các địa phương để phát trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện có hiệu quả mô hình “Tiếng loa biên phòng” và “Truyền thanh bản xa” kịp thời cung cấp những thông tin pháp luật cho cán bộ và Nhân dân vùng biên giới, hải đảo. Tỉnh đoàn xây dựng các Infographics về các thông tin pháp luật đăng tải trên Fanpage “Tuổi trẻ Quảng Bình”. Một số đơn vị cấp cấp xã phối hợp với Sở Tư pháp sẽ tổ chức các hội nghị PBGDPL nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở. Các mô hình sân khấu hóa về phổ biến, giáo dục pháp luật, Phiên tòa giả định với nội dung về phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống vi phạm pháp luật về giao thông; phòng chống ma túy được các đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện; ... thu hút đông đảo cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tham gia.

Hiệu ứng của việc triển khai Ngày Pháp luật đã tạo nên sức lan tỏa sâu rộng trong cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh không chỉ trong tháng

cao điểm và xuyên suốt trong cả năm. Công tác PBGDPL đã bám sát hơn với công tác xây dựng, thi hành, bảo vệ pháp luật, kịp thời, nhạy bén, nắm bắt những vấn đề được đảng viên, cán bộ, Nhân dân quan tâm để tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội qua đó, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và hình thành thói quen tìm hiểu pháp luật trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tăng cường trật tự, kỷ cương, ngăn ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần giữ gìn an ninh trật tự, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; từ thực tiễn triển khai có thể thấy, kể từ khi chính quyền địa phương hai cấp chính thức vận hành, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở Quảng Trị đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Nhận thức pháp luật của người dân được nâng cao rõ rệt; nhiều người dân không chỉ nắm vững các quy định của pháp luật mà còn chủ động thực hiện, chung tay cùng chính quyền xây dựng cơ sở vững mạnh, gần dân, sát dân hơn. Để tiếp tục nâng

cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, PBGDPL đáp ứng yêu cầu xây dựng và vận hành chính quyền địa phương hai cấp trong thời gian tới theo tác giả cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, cấp ủy Đảng, chính quyền các cơ quan, đơn vị, địa phương cần thường xuyên quan tâm, chỉ đạo đối với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, đặc biệt là việc triển khai Ngày Pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương; tạo điều kiện về nguồn lực để triển khai thực hiện ngày Pháp luật một cách thiết thực, hiệu quả. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác PBGDPL. Qua đó, tạo sự thống nhất, gắn kết giữa hoạt động lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ này.

Thứ hai, tiếp tục củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác công tác PBGDPL hai cấp. Cụ thể là đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, bảo đảm vừa có kiến thức pháp luật vững vàng, vừa có kỹ năng truyền đạt sinh động, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

(Xem tiếp trang 10)

HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

nền tảng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

■ Luật gia. **TRẦN TIẾN HẢI**
Trưởng Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân là một chủ trương lớn, một nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Đây là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó việc xây dựng, hoàn thiện và thượng tôn Hiến pháp, pháp luật được xác định là yếu tố nền tảng, là điều kiện tiên quyết. Hiến pháp và hệ thống pháp luật không chỉ là công cụ quản lý nhà nước mà còn là biểu hiện tập trung của ý chí, chủ quyền của Nhân dân, là cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy đất nước hội nhập, phát triển bền vững, vươn mình trong kỷ nguyên mới. Bài viết này sẽ tập trung phân tích vai trò của Hiến pháp và pháp luật với tư cách là nền tảng cốt lõi

của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời đề cập đến thực trạng và những phương hướng cơ bản để tiếp tục củng cố nền tảng này trong giai đoạn mới. Bài viết được thể hiện dưới những nội dung cơ bản như sau:

Một là, khái quát về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một mô hình nhà nước đặc thù, mang bản chất của giai cấp công nhân, có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc. Các đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đó là, *Thứ nhất*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng

Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; *thứ hai*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; *thứ ba*, quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật; *thứ tư*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; *thứ năm*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; *thứ sáu*, hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán; *thứ bảy*, độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo

pháp luật; *thứ tám*, tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trong mô hình nhà nước mà chúng ta đang xây dựng, Hiến pháp và pháp luật chính là “xương sống”, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, quyết định đến bản chất và hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

Hai là, Hiến pháp là đạo luật gốc, là nền tảng pháp lý tối cao

Hiến pháp là văn bản pháp lý có giá trị cao nhất trong hệ thống pháp luật của một quốc gia. Với tư cách là đạo luật cơ bản, Hiến pháp Việt Nam giữ vai trò nền tảng không thể thay thế trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp là sự thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đồng thời là sự kết tinh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Các bản Hiến pháp nước ta đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội, cụ thể Điều 4, Hiến pháp 2013 quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư

tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Sự khẳng định này không phải là một sự áp đặt chủ quan, mà là kết quả của một quá trình lịch sử, được Nhân dân thừa nhận. Hiến pháp chính là công cụ pháp lý quan trọng nhất để chuyển hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành các quy định mang tính bắt buộc chung, được toàn xã hội tuân thủ. Đồng thời, quá trình xây dựng và sửa đổi Hiến pháp luôn được tiến hành một cách dân chủ, lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp Nhân dân. Do đó, Hiến pháp mang trong mình ý chí chung của toàn dân tộc, là bản kế ước xã hội, thể hiện sự đồng thuận của Nhân dân trong việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước.

Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất của quốc gia. Hiến pháp xác lập những nguyên tắc nền tảng về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; quốc phòng, an ninh quốc gia; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Chẳng hạn, Điều 2 Hiến pháp 2013 quy định: “ 1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân

với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Quy định này không chỉ xác định bản chất của nhà nước mà còn là nguyên tắc tối cao chi phối toàn bộ việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thông qua đó, Hiến pháp tạo ra sự ổn định, định hướng cho sự phát triển của toàn bộ xã hội.

Hiến pháp là cơ sở pháp lý để xây dựng và hoàn thiện toàn bộ hệ thống pháp luật. Điều 119 Hiến pháp 2013 nêu rõ: “1. Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý. 2. Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp”. Nguyên tắc này khẳng định tính tối thượng của Hiến pháp. Mọi luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định... đều phải được xây dựng dựa trên tinh thần và nội dung của Hiến pháp. Bất kỳ văn bản nào có nội dung trái với Hiến pháp đều không có giá trị thi hành. Hiến pháp giống như một “cái khuôn”, một “bộ khung” mà từ đó, các đạo luật cụ thể được hình

thành, tạo nên một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và không mâu thuẫn.

Ba là, pháp luật là công cụ hữu hiệu để tổ chức và quản lý xã hội

Nếu Hiến pháp là nền tảng, là bộ khung thì hệ thống pháp luật chính là những “viên gạch”, những “chất kết dính” để xây dựng nên ngôi nhà Nhà nước pháp quyền. Hệ thống pháp luật cụ thể hóa Hiến pháp, đưa các nguyên tắc hiến định vào mọi ngõ ngách của đời sống.

Pháp luật cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp thành những quy tắc xử sự rõ ràng. Hiến pháp quy định “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” (Điều 33). Để quyền này được thực thi, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... quy định chi tiết về thủ tục thành lập doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nhân, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Hay Hiến pháp bảo vệ quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế, thì Bộ luật Dân sự đã cụ thể hóa các quy định về tài sản, các hình thức sở hữu, hợp đồng, thừa kế... Chính nhờ sự cụ thể hóa này, các quy định của Hiến pháp mới thực sự đi vào cuộc sống, trở nên sống động và có giá trị thực tiễn.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, một hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng và có tính dự

báo cao là yếu tố sống còn. Pháp luật về kinh tế (Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản, Luật Thương mại...) tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế, bảo vệ cạnh tranh lành mạnh. Pháp luật về lao động bảo vệ quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Pháp luật về môi trường đặt ra các tiêu chuẩn để phát triển bền vững. Một hệ thống pháp luật hoàn thiện sẽ là cơ sở để thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, giải quyết các tranh chấp một cách công bằng và duy trì trật tự xã hội.

Pháp luật không chỉ quy định quyền mà còn xác định rõ nghĩa vụ của công dân. Quan trọng hơn, pháp luật, đặc biệt là Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính... đã tạo ra cơ chế để bảo vệ các quyền đó. Nó xác định những hành vi nào là tội phạm, quy định các hình phạt tương xứng, thiết lập trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quyền của người bị buộc tội. Pháp luật chính là “thanh bảo kiếm” của công lý, giúp nhà nước giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, trừng trị những kẻ vi phạm và ngăn ngừa các hành vi sai trái.

Bốn là, thực trạng và phương hướng hoàn thiện Hiến pháp, pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Công cuộc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam trong những

năm qua đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Việc ban hành Hiến pháp 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là một bước tiến vượt bậc. Hàng trăm đạo luật, bộ luật quan trọng đã được ban hành, cơ bản bao phủ hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của đất nước.

Tuy nhiên, quá trình này vẫn còn một số hạn chế như: Hệ thống pháp luật đôi khi còn phức tạp, chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định; một số quy định pháp luật còn chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn, đặc biệt là trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Công tác tổ chức thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật một số nơi còn hạn chế; ý thức thượng tôn pháp luật của một bộ phận cán bộ và người dân chưa cao; cơ chế kiểm soát quyền lực, cơ chế bảo vệ Hiến pháp chưa thực sự phát huy đầy đủ hiệu quả.

Để tiếp tục củng cố nền tảng Hiến pháp và pháp luật cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong thời gian tới cần tập trung vào các phương hướng sau:

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII và các Nghị quyết Trung ương về xây dựng nhà nước pháp quyền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật. Quy trình làm luật

cần khoa học, chuyên nghiệp, minh bạch hơn, tăng cường lấy ý kiến chuyên gia và người dân, đảm bảo các quy định pháp luật mang tính khả thi, ổn định, thống nhất, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Thứ ba, tập trung xây dựng pháp luật cho những lĩnh vực trọng điểm, tạo đột phá thể chế, tháo gỡ các rào cản để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Nâng cao năng lực, hiệu quả của các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt là hệ thống tòa án. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính.

Thứ năm, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để xây dựng văn hóa pháp quyền trong toàn xã hội, để việc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trở thành thói quen, nếp sống của mỗi người dân.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, tăng cường giám sát việc thực thi pháp luật và kiện toàn cơ chế bảo vệ Hiến pháp.

Hiến pháp và pháp luật có mối quan hệ hữu cơ, không thể tách rời và cùng nhau tạo nên nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp là linh hồn, là kim chỉ nam, trong khi pháp luật là công cụ, là phương tiện để hiện

thực hóa các giá trị của Hiến pháp trong cuộc sống. Cùng cố nền tảng này không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Một nhà nước thực sự pháp quyền, nơi Hiến pháp và pháp luật được thượng tôn, sẽ là bảo chứng vững chắc nhất cho một xã hội ổn định, dân chủ, công bằng, văn minh, và một đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng. □

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Quảng Trị...

(Tiếp theo trang 6)

Thứ ba, đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, PBGDPL; điểm nhấn là ứng dụng công nghệ số vào công tác này. Gắn công tác PBGDPL với theo dõi thi hành pháp luật, đối thoại lắng nghe phản ánh kiến nghị những khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong công tác PBGDPL, trợ giúp pháp lý; lồng ghép công tác PBGDPL vào phong trào "học tập số". Trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và khai thác hiệu quả cổng/trang thông tin điện tử, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến, phát triển các ứng dụng di động, đồng thời tận dụng mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và hệ thống truyền thanh thông minh vào công tác PBGDPL.

Thứ năm, phát huy tính chủ động của đội ngũ làm công tác PBGDPL; lựa chọn những nội dung pháp luật phù hợp, pháp luật mới ban hành để phổ biến kịp thời cho Nhân dân sát với yêu cầu thực tiễn với nhiệm vụ chính trị của địa phương trong từng giai đoạn; đặc biệt là các văn bản liên quan trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp.

Khẳng định rằng, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là cầu nối quan trọng giữa chính quyền và Nhân dân, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, gần dân, hiểu dân và vì dân. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của người dân, công tác PBGDPL sẽ ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, tạo nền tảng vững chắc để chính quyền địa phương hai cấp ở Quảng Trị vận hành hiệu quả, minh bạch và bền vững, xây dựng được văn hóa tuân thủ pháp luật trên địa bàn tỉnh. □

Ngày Pháp luật Việt Nam

Hành trình lan tỏa tinh thần

“Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật”

cho cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

■ HỒNG LUYẾN

Ngày 9 tháng 11 hằng năm - **Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**. Điều này đã được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Lý do chọn ngày 9/11 là vì vào ngày này năm 1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của đất nước. Đây là một dấu mốc lịch sử quan trọng, mở đầu cho truyền thống lập hiến, nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. **Ngày Pháp luật Việt Nam** – không đơn thuần là một sự kiện mang tính biểu tượng, mà còn là một lời nhắc nhở có chiều sâu về nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi công dân trong việc **“Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”**. Đây không chỉ là một khẩu hiệu, mà còn là nguyên

tắc sống cốt lõi giúp duy trì trật tự xã hội, đảm bảo công bằng, thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Tỉnh Quảng Trị, mảnh đất kiên cường, giàu truyền thống cách mạng nhưng còn nhiều khó khăn về kinh tế, địa hình trải dài từ Huế đến Hà Tĩnh, dân cư phân tán, nhất là vùng miền núi, lịch sử chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh, thiên tai. Đồng thời, là tỉnh giáp với biên giới Lào, nằm giữa hai đầu đất nước, có đường bờ biển dài, Quảng Trị giữ vai trò then chốt về an ninh, kinh tế vùng trung bộ. Do đó, việc lan tỏa tinh thần pháp luật vào đời sống cán bộ, đảng viên và Nhân dân càng trở nên quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và hành động pháp lý của Nhân dân. Đó không chỉ là trách

nhiệm nội tại mà còn là yếu tố bảo vệ lợi ích quốc gia.

Việc tổ chức Ngày Pháp luật không chỉ mang ý nghĩa kỷ niệm, mà còn nhằm: **Tôn vinh Hiến pháp và pháp luật** như nền tảng của nhà nước pháp quyền, khẳng định giá trị của các quy tắc pháp lý trong đời sống xã hội, đề cao vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội; **giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật** cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, giúp mọi người thấy rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trước pháp luật, hình thành thói quen tuân thủ, tự giác chấp hành pháp luật, chuyển từ “bị động” sang “chủ động” tìm hiểu pháp luật; **lan tỏa tinh thần “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”** - biến ý thức tuân thủ

pháp luật từ khẩu hiệu thành hành động thường ngày; thúc đẩy hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật và xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Nhà nước.

Qua hơn một thập kỷ triển khai, Sở Tư pháp với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh đã tích cực tham mưu và triển khai các hoạt động trên địa bàn tỉnh để Ngày Pháp luật đã trở thành hoạt động chính trị - pháp lý thường niên có sức lan tỏa rộng khắp, gắn với các chương trình, hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đối thoại, tọa đàm, hội thi tìm hiểu pháp luật... đa dạng, phong phú.

Dù Ngày Pháp luật đã tạo ra dấu ấn nhất định, công tác thực thi và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật còn gặp nhiều thách thức như: **khoảng cách giữa nhận thức và hành động:** có những người hiểu pháp luật, nhưng trong thực tế vẫn vi phạm do lợi ích cá nhân, tâm lý chủ quan, hoặc do thiếu ý chí tuân thủ; **sự đa dạng của hệ thống pháp luật:** nước ta có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá đồ sộ nhưng một số văn bản còn bất cập, chồng chéo và thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung nên việc cập nhật để tiếp cận kịp thời còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với người dân ở vùng sâu vùng xa; **thiếu đồng bộ trong tổ chức thực hiện:** việc phổ biến pháp luật, biện pháp

thi hành ở các địa phương, cơ sở chưa đều, có nơi còn mang tính hình thức và **tình trạng vi phạm pháp luật vẫn tồn tại** như vi phạm trật tự đô thị, an ninh trật tự, an toàn giao thông, môi trường, lâm nghiệp, đất đai... vẫn diễn ra, đặt ra nhiệm vụ lớn cho công tác quản lý và xử lý vi phạm.

Vi vậy, trên nền tảng Ngày Pháp luật Việt Nam, cần có cách tiếp cận mới, đổi mới phương thức tổ chức, để thông điệp **“Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”** thực sự đi vào cuộc sống. Đối với Quảng Trị, đó không chỉ là yêu cầu chung, mà còn là điều kiện để ổn định, giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên – môi trường, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã có nhiều bước tiến quan trọng trong việc thực hiện Ngày Pháp luật Việt Nam, đặc biệt là công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) được đổi mới hình thức và triển khai mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực: trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, an toàn thực phẩm, bảo vệ rừng, đấu tranh chống hàng giả, khai thác thủy sản bất hợp pháp IUU... Trong 9 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đã tổ chức trên 3.076 hội nghị, cuộc họp cho hơn 421.934 lượt người; tổ chức 137 cuộc thi với 17.160 lượt người tham gia; in ấn, phát hành 463.397 tài liệu, trong đó có 3.966 tài liệu đăng tải trên Internet; tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Trật

tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024” với 11.572 bài dự thi; phối hợp thực hiện 21 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống”, 09 chuyên mục PBGDPL đăng trên Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh; duy trì chuyên mục “Giải đáp pháp luật” trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp và Bản tin Tư pháp; in ấn, phát hành 64.073 Bản tin Tư pháp, tài liệu pháp luật; đổi mới, đa dạng các hình thức tuyên truyền thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đăng tải hàng trăm lượt tin, bài trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị, Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube, TikTok, ứng dụng Công dân số về PBGDPL để tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân trên địa bàn.

Ngoài ra, các buổi tuyên truyền được tổ chức tại trường học, khu dân cư, doanh nghiệp, vùng dân tộc thiểu số, sử dụng đa dạng hình thức như đối thoại trực tiếp, phát thanh, tờ rơi, tờ gấp, video ngắn, mạng xã hội... Bên cạnh đó, các sở, ngành, địa phương cũng đã xử lý nghiêm minh các hành vi phạm, qua đó thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật trong thực thi pháp luật. Các vụ việc không chỉ được xử lý đúng quy định, mà còn được công khai trên các phương tiện truyền thông để răn đe và nâng cao nhận thức pháp lý của người dân.

Đồng thời, tinh thần pháp luật đã được chuyển hóa từ

khẩu hiệu sang hành động cụ thể thông qua việc cán bộ, công chức trong hệ thống chính quyền tỉnh đều thực hiện ký cam kết tuân thủ pháp luật, gia đình và người thân không vi phạm pháp luật. Các xã điểm xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đã gắn việc xây dựng “thôn không có tệ nạn xã hội, không có vi phạm pháp luật” như một tiêu chí thi đua. Các trường học tổ chức phiên tòa giả định, cuộc thi tìm hiểu pháp luật thu hút hàng ngàn học sinh, sinh viên tham gia. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã xây dựng các hồ hình tiêu biểu như:

- **Mô hình CLB Thanh niên với pháp luật.** Thanh niên là lực lượng có sức trẻ, nhiệt huyết, nhanh nhạy, sáng tạo, luôn xung kích đi đầu trong các phong trào, hoạt động nên thường dễ tiếp thu và có sức lan tỏa rộng. Việc thành lập CLB thanh niên trong các trường học, khu dân cư để họ truyền cho nhau, truyền cho người lớn về những am hiểu và kiến thức pháp luật. Thực tế trong những năm qua các CLB này đã trở thành địa chỉ tin cậy hỗ trợ thanh niên chấp hành pháp luật, tránh xa tệ nạn.

- **Mô hình CLB liên thế hệ tự giúp nhau.** Mô hình này tận dụng vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng để làm cầu nối tuyên truyền pháp luật qua các buổi sinh hoạt gia đình, khu dân cư. Qua đó, mô hình đã trở thành cầu nối gắn kết các thế hệ, giúp nhau lan tỏa truyền thống đoàn kết, yêu nước và sự hiểu biết về pháp luật, hạn

chế các hành vi vi phạm trong cộng đồng dân cư.

- **Mô hình “Tổ tự quản về an ninh trật tự”.** Mô hình này được xây dựng tại các thôn, bản, tổ dân phố giúp phát hiện sớm và xử lý các vụ vi phạm pháp luật ngay từ cơ sở.

- **Mô hình các đội tuyên truyền lưu động** là sự phối hợp giữa công an, mặt trận và hội phụ nữ đến từng thôn bản, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc để hỗ trợ người dân hiểu và chấp hành pháp luật.

- **Mô hình điểm vùng dân tộc thiểu số.** Mô hình này được xây dựng ở xã vùng dân tộc, miền núi như mô hình điểm xã Ngân Thủy (cũ) hoặc Bản Khe Ngát (thị trấn Nông trường Việt Trung cũ). Ở mô hình này, lực lượng Bộ đội Biên phòng phối hợp chính quyền, người có uy tín địa phương để tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật, đặc biệt tập trung vào chống tảo hôn, giữ gìn biên giới, bảo vệ rừng, phòng chống tệ nạn ma túy. Đồng thời, lồng ghép trò chơi dân gian, văn hoá văn nghệ vào tuyên truyền để hấp dẫn hơn với thanh niên và phụ nữ vùng đồng bào dân tộc; kết hợp tuyên truyền với hoạt động xã hội như chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ người nghèo, hành động thiết thực để người dân cảm nhận được lợi ích, từ đó dễ tiếp nhận kiến thức pháp luật hơn.

Với địa hình đa dạng, việc tổ chức phổ biến pháp luật đồng đều gặp nhiều khó khăn. Một số xã vùng sâu, vùng xa,

vùng biên giới đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật kiêm nhiệm, thiếu thời gian đầu tư chuyên sâu vào kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền đạt. Mặc dù có nhiệt huyết, nhưng tính chuyên nghiệp và áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại còn hạn chế. Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác PBGDPL hàng năm tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là các chương trình tuyên truyền lớn, dài hạn và sử dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, trình độ dân trí chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp cận thông tin pháp lý; một số cán bộ chưa thực sự gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật; một bộ phận người dân còn coi nhẹ quy định, đặc biệt trong các lĩnh vực như bảo vệ môi trường, trật tự xây dựng, an toàn thực phẩm, khai thác tài nguyên... Tình trạng tội phạm công nghệ cao, ma túy, hàng giả, gian lận thương mại, khai thác hải sản trái phép... ngày càng tinh vi. Nhiều vụ việc vượt tầm xử lý của cơ sở nếu không được phối hợp đồng bộ.

Mặc dù tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong việc lan tỏa tinh thần “Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật” nhưng hành trình này đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính chiến lược tập trung vào tính hiệu quả và bền vững đó là:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL, như xây dựng Nền tảng pháp luật số cấp tỉnh, trong đó phát triển các ứng dụng di động hoặc cổng thông tin tương tác, tích hợp các văn bản pháp luật dưới dạng tra cứu tiện lợi, có chức năng giải đáp thắc mắc tự động (chatbot) dựa trên trí tuệ nhân tạo. Sản xuất nội dung đa phương tiện: Đầu tư vào việc sản xuất các video hoạt hình, infographic, podcast về pháp luật. Ưu tiên những nội dung liên quan đến các vấn đề “nóng” như phòng chống ma túy, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm... phát sóng trên các nền tảng mạng xã hội, hệ thống loa truyền thanh cơ sở, phổ biến qua thiết bị thông minh để đưa thông tin pháp luật đến tận hộ gia đình.

Thứ hai, xã hội hóa và chuyên môn hóa đội ngũ PBGDPL, trong đó xã hội hóa công tác PBGDPL bằng cách khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tư vấn và tuyên truyền pháp luật miễn phí, đặc biệt trong Ngày Pháp luật. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về kỹ năng truyền thông pháp luật (kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết tin bài, kỹ năng sử dụng công cụ số) cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Đẩy mạnh hòa giải ở cơ sở, kiện toàn đội ngũ báo

cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; lồng ghép tuyên truyền pháp luật trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các cuộc họp thôn, khu phố, trong đó tập trung vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, ngư dân như tuyên truyền về Luật Thủy sản, Luật Biên giới quốc gia, Luật Hôn nhân và Gia đình bằng tiếng dân tộc thiểu số. Đồng thời, xây dựng cơ chế khen thưởng thỏa đáng để động viên và giữ chân những người có chuyên môn tốt.

Thứ ba, lồng ghép pháp luật vào thực tiễn đời sống và công vụ. Theo đó, thực hiện gắn kết PBGDPL với công tác CCHC và giải quyết khiếu nại. Đảm bảo mọi quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tiếp công dân phải đi kèm với việc giải thích, hướng dẫn pháp luật rõ ràng, minh bạch, coi đây là một kênh phổ biến pháp luật “sống” và hiệu quả nhất. Đồng thời, đưa nội dung giáo dục pháp luật vào chương trình ngoại khóa tại các trường học một cách sinh động, thông qua các cuộc thi tìm hiểu, phiên tòa giả định, giúp hình thành ý thức tuân thủ pháp luật từ thế hệ trẻ.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh vai trò của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh và ngành Tư pháp trong việc chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch PBGDPL hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, sát với tình hình thực tiễn của tỉnh. Tiến hành kiểm tra đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL tại các địa phương, kịp thời khắc

phục những tồn tại, thiếu sót và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phản biện xã hội về các dự thảo chính sách, pháp luật.

Thứ năm, xử lý nghiêm minh, công khai, kịp thời mọi hành vi vi phạm, không có “vùng cấm”, đảm bảo tính răn đe và công khai kết quả xử lý để nâng cao niềm tin của người dân vào pháp luật, chính quyền và xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật của người dân.

Hành trình lan tỏa tinh thần “Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật” qua Ngày Pháp luật Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị là một minh chứng rõ nét cho quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Những kết quả đạt được đã góp phần củng cố kỷ cương xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy còn nhiều thách thức, nhưng với sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, Ngày Pháp luật Việt Nam 9/11 hằng năm sẽ tiếp tục là động lực mạnh mẽ để Quảng Trị xây dựng một cộng đồng dân cư thượng tôn pháp luật, văn minh và phát triển bền vững. Tinh thần “Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật” không chỉ là một khẩu hiệu mà đã, đang và sẽ trở thành văn hóa cốt lõi của người dân trên mảnh đất giàu truyền thống này. □

Gắn kết khoa học và công nghệ

VỚI PHÁP LUẬT

trong xây dựng nền quản trị hiện đại tại tỉnh Quảng Trị

■ Th.S NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

PGD TT Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Trong kỷ nguyên của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nơi tri thức, công nghệ và dữ liệu trở thành nguồn lực phát triển trọng yếu, việc kết hợp hài hòa giữa khoa học và công nghệ (KH&CN) và pháp luật đang trở thành xu hướng tất yếu trong quản trị quốc gia nói chung và quản trị địa phương nói riêng. Nếu pháp luật là nền tảng đảm bảo tính minh bạch, công bằng và ổn định của hệ thống chính trị – xã hội, thì KH&CN lại là động lực mở đường cho đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành. Hai lĩnh vực tưởng chừng độc lập này, khi được gắn kết chặt chẽ, sẽ tạo nên sức mạnh kép giúp nâng cao năng lực quản trị công, thúc đẩy phát triển bền vững và xây dựng một nền hành chính hiện đại, liêm chính, phục vụ.

Tại tỉnh Quảng Trị, trong những năm gần đây, sự gắn kết giữa KH&CN và pháp luật

đã được thể hiện rõ nét qua nhiều chương trình, kế hoạch hành động cụ thể của các cấp, các ngành. Tỉnh đã xác định KH&CN không chỉ là công cụ hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội, mà còn là “trụ cột thể chế” trong công cuộc hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và năng lực quản lý nhà nước. Thực tiễn cho thấy, ở Quảng Trị, các ứng dụng công nghệ mới như chính quyền điện tử, chuyển đổi số, quản lý dữ liệu công dân, chữ ký số, trí tuệ nhân tạo (AI) hay hệ thống giám sát trực tuyến đều được triển khai gắn liền với các cơ chế, quy định pháp lý rõ ràng, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền trong toàn bộ quá trình vận hành.

Không chỉ dừng lại ở khía cạnh kỹ thuật, sự kết hợp giữa KH&CN và pháp luật còn mở ra hướng tiếp cận mới trong quản trị địa phương - đó là quản trị dựa trên bằng chứng và dữ liệu, nơi mọi quyết định

được đưa ra trên cơ sở khoa học, minh chứng rõ ràng và được giám sát bằng công cụ pháp lý chặt chẽ. Tỉnh Quảng Trị đang từng bước hình thành mô hình “chính quyền số - công dân số - xã hội số”, trong đó công nghệ trở thành phương tiện thực thi pháp luật, còn pháp luật là “hàng rào mềm” định hướng cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số an toàn, bền vững.

Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương, Quảng Trị đang khẳng định vai trò tiên phong trong việc thể chế hóa các chủ trương này vào thực tiễn quản trị địa phương. Tỉnh đã và đang phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các cơ quan pháp chế và cơ quan KH&CN,

tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng, thương mại hóa các kết quả khoa học, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý cho đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ cao.

Sự gắn kết giữa KH&CN và pháp luật tại Quảng Trị không chỉ mang ý nghĩa quản trị, mà còn là biểu hiện cụ thể của tinh thần chuyển đổi mô hình phát triển từ “quản lý hành chính truyền thống” sang “quản trị số – pháp quyền – sáng tạo”. Đây chính là con đường để tỉnh xây dựng nền quản trị hiện đại, hiệu quả, hướng tới mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế – xã hội trên nền tảng tri thức và pháp luật được thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, khoa học, công nghệ và pháp luật – hai trụ cột của quản trị hiện đại. Trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển nền hành chính hiện đại, KH&CN và pháp luật được xem là hai trụ cột không thể tách rời. Nếu pháp luật là “hệ điều hành” của bộ máy nhà nước, đảm bảo cho mọi hoạt động của xã hội vận hành theo trật tự, kỷ cương và công bằng, thì KH&CN lại là “động cơ” của quá trình đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực dự báo và khả năng điều hành. Một nền quản trị hiện đại chỉ có thể hình thành khi hai yếu tố này cùng vận hành song song, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau: pháp luật dẫn dắt sự phát triển của KH&CN theo

định hướng đúng đắn, còn KH&CN lại cung cấp phương tiện, công cụ để pháp luật được thực thi minh bạch, hiệu quả và gắn gũi hơn với đời sống người dân.

Tại tỉnh Quảng Trị, tư duy gắn kết giữa KH&CN và pháp luật đã được thể hiện rõ trong các chương trình hành động cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả. Việc triển khai đồng bộ các văn bản này đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để KH&CN không chỉ là lĩnh vực chuyên môn, mà trở thành công cụ pháp lý hỗ trợ quản trị nhà nước và phát triển xã hội.

Ở Quảng Trị, nhiều quy trình quản lý hành chính, giám sát và điều hành được tích hợp công nghệ số, giúp tăng cường tính công khai, minh bạch và giảm thiểu rủi ro sai phạm pháp lý. Chính quyền các cấp đã coi dữ liệu là “tài sản công đặc biệt” – vừa là nguồn thông tin quản lý, vừa là căn cứ pháp lý để ra quyết định, đánh giá hiệu quả chính sách. Những ứng dụng như hệ thống chính quyền điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản

và điều hành, hệ thống giám sát phản ánh hiện trường, nền tảng công dân số Quảng Trị (Quang Tri-S) đã góp phần chuyển hóa tư duy quản lý từ “hành chính mệnh lệnh” sang “quản trị thông minh dựa trên dữ liệu và pháp luật”.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan pháp chế, tư pháp, thanh tra với các cơ quan chuyên môn về KH&CN và chuyển đổi số đã tạo nên mô hình “pháp luật dẫn đường – công nghệ thực thi”. Thông qua đó, các quy định pháp luật không chỉ tồn tại trên văn bản mà được số hóa, tự động hóa trong các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo tính tuân thủ và khả năng kiểm soát minh bạch. Hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ công việc, cơ sở dữ liệu dân cư, mã định danh điện tử và chữ ký số được vận hành theo chuẩn pháp lý, thể hiện mối quan hệ hữu cơ giữa quản trị bằng công nghệ và quản lý bằng pháp luật.

Sự kết hợp này cũng làm thay đổi cách thức vận hành của bộ máy hành chính. Nếu trước đây việc quản lý dựa chủ yếu vào mệnh lệnh hành chính và báo cáo thủ công, thì nay, mọi hoạt động đều được “số hóa pháp lý hóa” – tức là vừa có tính khoa học, vừa có giá trị pháp lý, giúp nhà quản lý dễ dàng giám sát, người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và doanh nghiệp thuận lợi thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của mình. Chính nhờ sự song hành đó, tỉnh Quảng Trị đang tiến gần hơn đến mô hình “Chính

quyền số – pháp quyền – kiến tạo”, nơi công nghệ trở thành nền tảng hạ tầng và pháp luật là khung thể chế cho sự phát triển bền vững.

Có thể nói, trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính, tỉnh Quảng Trị đã thể hiện bước đi vững chắc: lấy KH&CN làm đòn bẩy, pháp luật làm điểm tựa, từ đó hình thành nền quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả và phục vụ nhân dân. Đây cũng là minh chứng cho tư duy phát triển mới: quản trị công không thể tách rời đổi mới sáng tạo và công nghệ, còn mọi đổi mới, sáng tạo chỉ có giá trị khi được bảo chứng bởi khuôn khổ pháp lý vững chắc.

Thứ hai, thực tiễn gắn kết KH&CN với pháp luật tại Quảng Trị. Ngay sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản pháp quy, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho phát triển KH&CN và chuyển đổi số. Các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, công nghệ và chuyển đổi số được lồng ghép vào các chương trình hành động cụ thể, giúp đảm bảo mọi hoạt động KH&CN tuân thủ nghiêm minh pháp luật và hướng đến hiệu quả thực tiễn.

Việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

tỉnh Quảng Trị đã tạo cơ chế phối hợp liên ngành, thống nhất quản lý giữa KH&CN và hành chính công. Ban Chỉ đạo không chỉ ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên mà còn giám sát trực tuyến tiến độ thực hiện thông qua hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử của tỉnh. Đây là minh chứng cho sự hòa quyện giữa “quản trị bằng pháp luật” và “điều hành bằng công nghệ”.

Thứ ba, pháp luật dẫn đường, công nghệ thúc đẩy quản trị minh bạch. Trong tiến trình xây dựng nền quản trị hiện đại, Quảng Trị chú trọng hoàn thiện Khung kiến trúc Chính quyền số phiên bản 4.0, bảo đảm tính liên thông với Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam và đáp ứng yêu cầu sắp xếp hành chính mới. Cùng với đó, các quy định pháp lý được áp dụng linh hoạt trong hoạt động chuyển đổi số như: quản lý dữ liệu công dân, mã định danh điện tử, chữ ký số chuyên dùng, bảo mật và an toàn thông tin.

Công nghệ thông tin không chỉ là phương tiện kỹ thuật mà còn là công cụ pháp lý mới – hỗ trợ thực thi luật pháp nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả. Ví dụ, Ứng dụng “Công dân số Quảng Trị” cho phép người dân phản ánh hiện trường, theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính, từ đó bảo đảm quyền giám sát của Nhân dân theo

Hiến pháp. Đây là sự kết hợp điển hình giữa công nghệ số và quyền công dân được luật pháp bảo hộ.

Bên cạnh đó, tỉnh còn triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập tri thức pháp luật và kỹ năng công nghệ cho mọi tầng lớp Nhân dân, góp phần hình thành văn hóa pháp quyền trong kỷ nguyên số. Hoạt động tập huấn về AI, ChatGPT, an toàn thông tin được tổ chức rộng rãi, giúp đội ngũ cán bộ, doanh nghiệp và người dân sử dụng công nghệ đúng quy định pháp luật, giảm thiểu rủi ro vi phạm và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ tư, hướng tới nền quản trị thông minh, liêm chính và phục vụ. Sự gắn kết KH&CN với pháp luật tại Quảng Trị đã góp phần nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), cải thiện năng lực cạnh tranh và tạo môi trường đầu tư minh bạch. Hệ thống thông tin được tích hợp đồng bộ, giúp việc giám sát, thanh tra, phòng chống tham nhũng diễn ra chủ động và hiệu quả. Các quy định pháp lý mới về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và thị trường công nghệ được triển khai sâu rộng, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương như: Cà gai leo, chè vàng, lan Kim Tuyến, Đông Trùng hạ thảo,... những mô hình KH&CN đã có địa chỉ ứng dụng và cơ sở pháp lý rõ ràng.

(Xem tiếp trang 21)

Phát huy vai trò của Sở Tư pháp

trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị

■ TRÀ ĐÌNH HUÂN

Pháp luật là công cụ kiểm soát quyền lực Nhà nước và được thể hiện thông qua việc pháp luật quy định về cách thức tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước; quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm. Vì vậy, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong ba đột phá chiến lược đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, hiệu quả sẽ tạo lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp được đề ra tại các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình hành động của Đảng, thời gian qua, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã tập trung tham mưu cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo để thể chế hóa

đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa kịp thời các quy định trong văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương ban hành thành các quy phạm pháp luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Nhờ đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi với chi phí tuân thủ thấp, chú trọng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần khơi thông các nguồn lực, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Cùng với công tác xây dựng pháp luật, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật cũng được Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành triển khai thực hiện kịp thời,

toàn diện, được xác định là một trong những hình thức thực hiện pháp luật để kịp thời đưa pháp luật đi vào thực tiễn đời sống. Văn bản pháp luật sau khi ban hành được các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của đảng viên, cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh.

Triển khai thực hiện 05 quan điểm, 07 nhiệm vụ giải pháp về đổi mới, đột phá trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị, Sở Tư pháp đã tập trung tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo (1) rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định, cơ chế, chính sách đặc biệt để nhận diện các “điểm nghẽn”, tháo gỡ các bất cập, khó khăn,

vướng mắc do quy định của pháp luật; (2) tập trung xây dựng hệ thống văn bản QPPL đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan nhà nước trước, trong và sau khi sáp nhập tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Đối với hệ thống văn bản QPPL do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương ban hành, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương đã rà soát, phát hiện 18 nhóm vấn đề có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, quy định không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ hoặc hạn chế việc đổi mới sáng tạo và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới thay thế.

Đối với hệ thống văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành, Sở Tư pháp đã cùng với các sở, ngành rà soát, đánh giá, lập danh mục với phương án, lộ trình cụ thể để tham mưu HĐND, UBND tỉnh xử lý trên cơ sở quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Theo đó, sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, toàn tỉnh có 1.075 văn bản

đang còn hiệu lực pháp luật. Hiện nay, các sở, ngành đang tập trung tham mưu xử lý các văn bản theo tính cấp bách của từng văn bản và lộ trình đã đề ra, nhằm đạt được mục tiêu: hết năm 2025, hệ thống văn bản QPPL của tỉnh không có quy định làm cản trở sự phát triển của tỉnh và đến hết tháng 2/2027 hoàn thành việc lựa chọn, bãi bỏ hoặc thay thế đối với 1.075 văn bản QPPL do HĐND, UBND hai tỉnh ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước vận hành thống suốt, không bị gián đoạn, ngắt quãng hoặc tạo khoảng trống pháp luật.

Quá trình tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, bên cạnh những thuận lợi, tinh thần trách nhiệm và quyết tâm của các cấp, các ngành trong việc sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới thì công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh còn gặp một số khó khăn nhất định:

Số lượng văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND 02 tỉnh (cũ) ban hành tương đối lớn (1.075 văn bản), trong đó có nhiều văn bản bị tác động bởi 28 Nghị định của Chính phủ về phân cấp,

phân quyền, phân định thẩm quyền, cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để thay thế. Nhiều chế độ, chính sách trong văn bản quy phạm pháp luật của 02 địa phương (trước sắp xếp) ban hành có sự chênh lệch hoặc khác nhau về đối tượng thụ hưởng, định mức hưởng, cần phải xử lý để đảm bảo sự tương đồng, thống nhất về đối tượng và mức hưởng; tuy nhiên, các văn bản này có liên quan đến nguồn lực tài chính thực hiện, cần có sự rà soát, cân đối, phân bổ lại ngân sách mới thực hiện được. Đồng thời, việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật cần có lộ trình, thông qua nhiều trình tự, thủ tục chặt chẽ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức bộ máy của các sở, ngành, địa phương mới đi vào vận hành hoạt động theo mô hình mới, nhiều nhiệm vụ cần phải triển khai thực hiện ngay, thực hiện đồng thời để đảm bảo không bị gián đoạn, ngắt quãng, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Một số quy định trong văn bản pháp luật của trung ương còn mâu thuẫn, chồng chéo, phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau; việc trả lời, hướng dẫn của các bộ, ngành trong một số nội dung còn chưa rõ ràng, thiếu nhất quán gây lúng túng cho địa phương trong quá trình thực hiện.

Những vấn đề nêu trên có tác động và phần nào đã ảnh hưởng đến kết quả trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp ở địa phương.

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật nhằm tạo lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian tới Sở Tư pháp cùng với cấp ủy, chính quyền các cấp cần tập trung tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, theo chức năng, nhiệm vụ được giao cần chủ động rà soát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình hành động của Đảng và quy định của cơ quan có thẩm quyền ở trung ương để kịp thời tham mưu cho HĐND, UBND thể chế hóa, cụ thể hóa thành các QPPL làm cơ sở cho công tác quản lý nhà nước, quản trị địa phương theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng. Cùng với đó, cấp ủy các cấp cần quan tâm lãnh đạo việc rà soát, bố trí nhân sự, tăng cường nguồn lực trong công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật ở các sở, ngành, địa phương nhất là đối với cấp xã.

Quan triệt và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải

pháp theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL thuộc phạm vi được giao quản lý; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo Quy định số 78-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

Thứ hai, thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; nâng cao chất lượng công tác thẩm định đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, quá trình góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bên cạnh việc đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật, cần đảm bảo xây dựng môi trường pháp lý của địa phương thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành

nghe, thủ tục hành chính; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, ổn định. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; có cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi để phát triển kinh tế tư nhân; tập trung xây dựng, hoàn thiện pháp luật về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các chính sách thu hút, mở rộng đầu tư; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về pháp lý đối với các dự án chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh, theo tinh thần Nghị quyết số 68, Nghị quyết số 57 và Nghị quyết số 59 của Bộ Chính trị.

Trước mắt, trong năm 2025, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, gắn với phân cấp, ủy quyền tối đa; xác định cụ thể các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quy định ở các văn bản QPPL của địa phương để tháo gỡ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ.

Thứ ba, tham mưu triển khai toàn diện các nhiệm vụ về tổ chức thi hành văn bản

quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, kịp thời đưa pháp luật đi vào đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trong các lĩnh vực dân sinh quan trọng khác của địa phương. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin. Chú trọng công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật để tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường đối thoại, tiếp

nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Tổ chức đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, chồng chéo có nguyên nhân từ quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL theo Đề án của Bộ Tư pháp.

Thứ tư, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, giới thiệu cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu pháp luật

để sắp xếp, bố trí vào các vị trí tham mưu về công tác công tác xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Thứ năm, kiến nghị cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí ngân sách trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, từng hoạt động xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. □

Gắn kết khoa học...

(Tiếp theo trang 17)

Trong thời gian tới, Quảng Trị tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, qua đó hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tỉnh hướng đến mục tiêu xây dựng “Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số” trên nền tảng quản trị pháp quyền vững chắc, coi công nghệ là công cụ của pháp luật và pháp luật là bảo chứng cho sự phát triển bền vững.

Như vậy, việc gắn kết KH&CN với pháp luật đã và đang tạo nên sức bật mới cho quá trình quản trị hiện đại ở Quảng Trị. Đó không chỉ là sự đổi mới về công cụ điều hành, mà còn là bước tiến về tư duy quản trị – nơi tri thức khoa học trở thành nền tảng cho pháp quyền và pháp luật là kim chỉ nam cho mọi hành động đổi mới sáng tạo.

Trong tương lai, Quảng Trị có thể trở thành mô hình mẫu trong việc kết hợp KH&CN với pháp luật để kiến tạo nền quản trị số, minh bạch, liêm chính và phục vụ Nhân dân.

Tư liệu tham khảo

1. Báo cáo “Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ nổi bật 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025” – Sở KH&CN tỉnh Quảng Trị.

2. Báo cáo “Sơ kết công tác khoa học và công nghệ 6 tháng đầu năm 2025” – Sở KH&CN tỉnh Quảng Trị.

3. Báo cáo “Tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025” – Sở KH&CN Quảng Bình.

4. Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP (01/4/2025) của Chính phủ; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (19/6/2025) của Ban Chỉ đạo Trung ương.

5. Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

LUẬT SƯ

người giữ ngọn lửa công lý và lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật

■ Ls. PHẠM THỊ HUYỀN TRANG –
PCN Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị

Để được lựa chọn một công việc, một ngành nghề theo đuổi trong cuộc đời, thì với tôi **nghề luật sư là một lựa chọn đòi hỏi nhiều sự dũng cảm và kiên định**. Luật sư không có trong tay thẩm quyền tuyên án hay quyền lực nhà nước, thứ “công cụ” họ có chỉ là luật pháp, tinh thần thượng tôn pháp luật, ý chí đấu tranh cho lẽ phải. Họ là cầu nối quan trọng giữa công dân với hệ thống các cơ quan truy tố, xét xử. Để công lý trở thành hiện thực, để tinh thần thượng tôn pháp luật thấm nhuần vào đời sống, cần có những người đại diện chuyên nghiệp, luật sư chính là người đảm nhận vai trò quan trọng đó. Và chỉ với từng ấy công cụ, trong những năm qua, đội ngũ luật sư tạo ra những thành tựu và kết quả đáng ghi nhận.

Nói đến luật sư, nhiều người hình dung ngay đến người đứng tranh luận trước tòa, với tập hồ sơ dày và những lập luận sắc sảo. Nhưng đằng sau hình ảnh ấy là cả một hành trình âm thầm: những đêm đọc hồ

sơ, những lần đi thực địa, tiếp xúc nhân chứng, khách hàng, cơ quan nhà nước, đối diện với con người, với những câu hỏi khó của lương tâm và trách nhiệm. Hành trình đó là trải nghiệm của người luật sư, có tác động nhất định đến xã hội và việc đánh giá luật sư không chỉ thông qua kết quả công việc “bào chữa” hay “bảo vệ” thân chủ, mà còn **góp phần tìm ra sự thật**, giúp Tòa án, các cơ quan công quyền có cái nhìn toàn diện, tránh oan sai, bảo vệ danh dự và quyền con người. Phong cách làm việc của luật sư là vì lẽ phải, chính nghĩa thì dù cho hoàn cảnh hay địa vị nào cũng sẽ nhận được sự tôn trọng.

Trong xã hội hiện đại, luật sư không chỉ có mặt ở Tòa án, họ hiện diện ở những buổi hòa giải dân sự, trong phòng họp doanh nghiệp, trên bàn đàm phán quốc tế, hay trong các buổi tư vấn pháp luật miễn phí cho người dân nghèo, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Mỗi lời khuyên đúng luật, mỗi bản hợp đồng được ký kết minh bạch, chặt chẽ về

mặt pháp lý, mỗi vụ tranh chấp được giải quyết thấu tình đạt lý – đều là những hạt giống gieo vào xã hội tinh thần sống và làm việc theo pháp luật.

Thượng tôn pháp luật không chỉ là khái niệm trong sách vở. Đó là ý thức rằng pháp luật là sợi dây giữ cho xã hội không bị đứt gãy bởi quyền lực, tiền bạc hay cảm xúc. Và trong việc giữ sợi dây ấy, luật sư chính là người canh giữ thầm lặng. Với vai trò là chuyên gia pháp lý, **luật sư chính là người giữ ngọn lửa công lý và lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật**.

Nghề luật sư là một nghề đòi hỏi người hành nghề ngoài năng lực chuyên môn thì cần có sự can đảm. Có khi, để nói ra một sự thật, luật sư phải đối mặt với áp lực dư luận, với sự hiểu lầm, thậm chí cả hiểm nguy. Nhưng **chính bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp** là tấm áo giáp của họ. Một người làm luật sư có thể giỏi chuyên môn, nhưng nếu thiếu đạo đức, họ sẽ không bao giờ được tôn trọng. Ngược lại, người luật sư có tâm huyết sẽ luôn tìm ra cách để công lý được thực thi vượt lên những rào cản, “mặt tối” của xã hội. Bởi vậy, trong giới nghề vẫn truyền nhau câu nói: *“Trước khi làm luật, hãy học làm người”*. Điều làm nên giá trị thật sự của nghề luật sư chính là **sự chính trực**.

Dân gian gọi người làm luật sư là “thợ cái”, “thầy cái”. Cách gọi thể hiện sự tin yêu, tôn trọng. Làm người luật sư phải sống sao cho xứng đáng với niềm tin yêu ấy. Bởi vì, không có sự phụng sự nào cao quý hơn phụng sự Nhân dân, và cũng không có sự ghi nhận nào đẹp đẽ hơn sự công nhận của

Nhân dân. Vì vậy, tôi cho rằng, làm nghề luật sư trước khi giúp đời thì bằng công cụ pháp lý mà giúp đỡ cho gia đình mình, làng xóm của mình, người thân quen của mình, từ kinh nghiệm hành nghề có được để tiếp tục đi giúp đỡ khách hàng, thân chủ mình. Như vậy chính là đang đồng hành và phụng sự Nhân dân.

Mỗi con người, mỗi vụ việc, mỗi hồ sơ pháp lý đều gắn với những câu chuyện đời thường: mâu thuẫn gia đình, tranh chấp đất đai, quyền nhân thân hay những cáo buộc oan sai. Trong những lúc như thế, luật sư là người biết lắng nghe, biết phân tích và biết chia sẻ. Họ không chỉ dùng lý lẽ mà còn dùng sự thấu hiểu để giúp người dân tìm ra con đường đúng đắn, tránh sai phạm, tránh thiệt thòi.

Ở các vùng nông thôn hay miền núi, nơi người dân còn chưa quen với ngôn ngữ pháp lý, sự có mặt của luật sư trong các buổi tuyên truyền, trợ giúp pháp lý để mang pháp luật đến gần dân, để pháp luật không chỉ nằm trong tủ sách mà nằm trong nhận thức và hành động của mỗi người.

Một xã hội muốn phát triển bền vững phải dựa trên nền tảng pháp quyền – nơi mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Và để làm được điều đó, cần có những người kiên định bảo vệ nguyên tắc, không thỏa hiệp với sai trái. Luật sư chính là lực lượng góp phần tạo nên niềm tin ấy. Họ không chỉ bảo vệ quyền lợi cho thân chủ, mà còn góp tiếng nói vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, phản biện chính sách và thúc đẩy cải cách tư pháp.

Trong thời kỳ hội nhập, vai trò của luật sư càng được khẳng định mạnh mẽ: từ các vụ tranh chấp quốc tế, đấu tư xuyên biên giới đến bảo vệ thương hiệu Việt trên thị trường toàn cầu. Mỗi chữ ký của luật sư, mỗi lập luận được trình bày đều góp phần **bảo vệ lợi ích quốc gia và hình ảnh Việt Nam trong mắt bạn bè thế giới**. Như người ta vẫn thường nói, xã hội văn minh là xã hội nơi nghề luật sư được tôn trọng và đáng mừng là xã hội Việt Nam đang ngày càng hiện thực hóa điều này.

Tuy nhiên, đối ngũ luật sư cũng đối mặt với những khó khăn, thách thức để giữ “lửa” khi hành nghề và bảo vệ công lý, thượng tôn pháp luật, đó là:

Thứ nhất, giữ vững bản lĩnh trước những áp lực đa chiều. Luật sư thường xuyên đối diện với áp lực từ nhiều phía – từ thân chủ, cơ quan tiến hành tố tụng, cho tới sức ép của dư luận xã hội. Trong các vụ việc phức tạp, đặc biệt là những vụ án được công chúng quan tâm, việc bảo vệ quyền, lợi hợp pháp cho thân chủ có thể khiến luật sư bị hiểu lầm, thậm chí bị chỉ trích. Tuy nhiên, nếu không đủ bản lĩnh để vượt qua áp lực đó, luật sư khó có thể thực hiện trọn vẹn sứ mệnh bảo vệ công lý.

Thứ hai, thách thức trong việc bảo vệ giá trị thực của công lý. Công lý không chỉ nằm trong phán quyết của tòa án, mà còn ở sự bình đẳng trong quá trình tố tụng. Song trên thực tế, luật sư vẫn gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận hồ sơ, chứng cứ hoặc trong việc được lắng nghe đầy đủ tại tòa. Ở một số nơi, vai trò của luật sư có lúc chưa được nhìn nhận đúng tầm, khiến việc bảo vệ

quyền con người và bảo đảm xét xử công bằng, đôi lúc còn có những hạn chế nhất định. Do vậy, đây là thử thách lớn, đòi hỏi mỗi luật sư không ngừng lên tiếng, kiên trì khẳng định vị thế và giá trị của nghề trong nền tư pháp hiện đại.

Thứ ba, giữ vững đạo đức nghề nghiệp giữa những cám dỗ đời thường. Nghề luật sư mang tính đặc thù – nơi danh dự và uy tín là tài sản quý nhất. Tuy nhiên, cũng chính vị trí ấy khiến luật sư dễ bị tác động bởi lợi ích vật chất hoặc quan hệ xã hội. Giữ vững đạo đức nghề nghiệp, trung thực và liêm chính là thách thức không nhỏ trong bối cảnh xã hội nhiều biến động.

Thứ tư, áp lực từ sự thay đổi của xã hội và công nghệ. Toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ đã làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực, trong đó có hành nghề luật sư. Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, giao dịch xuyên biên giới đặt ra yêu cầu mới về năng lực, kỹ năng và đạo đức. Do đó, luật sư buộc phải không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức và thích ứng với sự thay đổi, để có thể bảo vệ khách hàng và công lý một cách hiệu quả trong thời đại số khi sự cạnh tranh không chỉ đến từ đồng nghiệp mà còn đến từ máy móc, trí tuệ nhân tạo.

Trong hành trình bảo vệ công lý, luật sư không phải là người hùng, nhưng họ là **người giữ ngọn lửa** – ngọn lửa của niềm tin vào sự công bằng và văn minh. Như lời nhắn nhủ giản dị mà sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Pháp luật là để mọi người tuân theo. Làm luật sư là để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ Nhân dân.”* □

TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH:

Chìa khóa nâng cao chất lượng và tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

■ NGUYỄN HỒNG

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật giữ vai trò nền tảng. Chất lượng của hệ thống này được xây dựng từ Trung ương đến địa phương, trong đó, các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành (Nghị quyết, Quyết định) đóng vai trò then chốt trong việc cụ thể hóa đường lối, chính sách và giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương.

Chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) không chỉ thể hiện ở tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất về mặt kỹ thuật, mà còn phải bao hàm tính khả thi, tính đại diện và sự đồng thuận cao từ Nhân dân – đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản. Việc ban hành các VBQPPL là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và đối tượng

chịu sự điều chỉnh. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chất lượng và tính khả thi của các VBQPPL không chỉ phụ thuộc vào kỹ thuật lập pháp mà còn gắn liền với sự đồng thuận, thấu hiểu và ủng hộ của Nhân dân. Do đó, công tác truyền thông chính sách, đặc biệt là truyền thông về dự thảo VBQPPL, có vai trò cực kỳ thiết yếu.

Tỉnh Quảng Trị, với vị trí là cửa ngõ hành lang kinh tế Đông – Tây đa dạng về địa lý dân cư, văn hóa – lịch sử, đòi hỏi hệ thống pháp luật địa phương phải có tính đặc thù, khả thi và hiệu quả cao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Để đạt được mục tiêu này, việc **truyền thông chính sách** ngay từ khâu dự thảo VBQPPL trở thành một yêu cầu mang tính cách mạng, không chỉ là thủ tục mà là **chìa khóa** để mở cánh cửa chất lượng và tính khả thi.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 (gọi tắt là Luật) được ban hành thay thế cho các Luật Ban hành VBQPPL trước đây, đánh dấu một bước tiến quan trọng, không chỉ hoàn thiện quy trình lập pháp mà còn nâng tầm yêu cầu về tính minh bạch, công khai và đặc biệt là vai trò của công tác truyền thông. Luật đã cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp về quyền làm chủ của Nhân dân và yêu cầu của Đảng về việc nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật. Nếu trước đây, hoạt động công khai dự thảo chủ yếu dừng lại ở hình thức “lấy ý kiến”, thì nay, Luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,

hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật kết hợp với các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL giai đoạn 2022 - 2027” (Quyết định 407/QĐ-TTg), đã chính thức đưa truyền thông dự thảo trở thành một khâu mang tính chiến lược, bắt buộc và liên tục trong toàn bộ quy trình từ đề xuất đến khi văn bản được thông qua.

Truyền thông chính sách, theo tinh thần của Luật Ban hành VBQPPL và các Đề án của Chính phủ, là quá trình trao đổi, tương tác và giải trình về nội dung dự thảo VBQPPL, đặc biệt là những chính sách có tác động lớn đến xã hội. Tại Quảng Trị, hoạt động này càng trở nên cần thiết bởi ba lý do cốt lõi.

Thứ nhất, phản ánh đúng dẫn thực tiễn địa phương. VBQPPL của HĐND và UBND tỉnh Quảng Trị trực tiếp điều chỉnh các vấn đề cụ thể được luật giao và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, gắn liền với đời sống hàng ngày của người dân và hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn. Nếu thiếu truyền thông, cơ quan soạn thảo có thể chỉ dựa vào dữ liệu hành chính và kinh nghiệm chủ quan, dẫn đến việc ban hành các quy định chưa sát với thực tiễn. Việc truyền thông sớm giúp thu thập ý kiến từ các nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp, qua đó nâng cao tính đại diện và tính đúng đắn của chính sách.

Thứ hai, nâng cao tính khả thi và tránh xung đột khi triển khai. Tỉnh Quảng Trị có những đặc điểm về địa lý, văn hóa và kinh tế đặc trưng. Việc áp dụng các chính sách chung từ Trung ương vào bối cảnh cụ thể, ví dụ: vùng núi, vùng biên giới, đặc khu hoặc vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai đòi hỏi sự điều chỉnh chi tiết. Truyền thông dự thảo chính sách giúp xác định trước những rào cản kỹ thuật, những vướng mắc về thủ tục hành chính, hay những xung đột tiềm ẩn giữa quy định mới và tập quán địa phương. Khi người dân hiểu rõ mục tiêu và cách thức triển khai của văn bản từ sớm, họ sẽ chủ động chuẩn bị và phối hợp, giảm thiểu chi phí và thời gian cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau khi văn bản có hiệu lực. Tính khả thi của văn bản vì thế được bảo đảm ngay từ khâu thiết kế chính sách.

Thứ ba, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội. Trong bối cảnh Quảng Trị đang nỗ lực chuyển mình sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp phần đầu để trở thành một cực tăng trưởng mới trong khu vực, việc ban hành các VBQPPL có tác động rất lớn đối với quá trình phát triển của tỉnh (ví dụ: chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án năng lượng, hay các dự án hạ tầng lớn...) rất dễ gây ra dư luận trái chiều nếu không được giải thích rõ ràng. Nếu thực hiện **truyền thông minh**

bạch, kèm theo sự giải trình công khai về việc tiếp thu hay không tiếp thu các ý kiến góp ý, thể hiện sự tôn trọng của chính quyền tỉnh đối với quyền làm chủ của Nhân dân. Hoạt động này củng cố mối quan hệ giữa chính quyền và người dân, tạo ra sự đồng thuận cao, là nền tảng vững chắc để thực hiện thành công các nghị quyết và quyết định quan trọng của tỉnh.

Truyền thông dự thảo chính sách không chỉ là hoạt động thông báo, mà là quá trình trao đổi, tương tác hai chiều và giải trình giữa cơ quan nhà nước và người dân. Mục tiêu cốt lõi của hoạt động này là: Cung cấp thông tin, tức là giải thích về sự cần thiết, mục tiêu, nội dung cốt lõi và tác động (xã hội, kinh tế, môi trường) của dự thảo; thu thập phản hồi, tức là lắng nghe và ghi nhận các ý kiến phản biện, góp ý, nhất là từ các đối tượng chịu tác động trực tiếp và giải trình, tức là công khai giải thích việc tiếp thu, chỉnh sửa hoặc lý do không tiếp thu các ý kiến đóng góp, qua đó củng cố niềm tin và tính minh bạch trong xây dựng chính sách.

Truyền thông chính sách sẽ nâng cao tính dân chủ và quyền tham gia của công dân. Nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền là “toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”. Trong lĩnh vực lập pháp, quyền lực này được thực thi thông qua việc tham gia xây dựng pháp luật. Truyền thông chính sách chính là cầu nối thực thi quyền dân chủ đó.

Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL, tại khoản 4, Điều 68 Luật Ban hành VBQPPL quy định “Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trước cơ quan trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo; **truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**; việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra”. Và đối với trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng VBQPPL, tại khoản 4, Điều 51 của Luật cũng quy định: “Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo...”

Bên cạnh đó, tại Điều 3 Nghị định 78/2025/NĐ-CP quy định về truyền thông chính sách, dự thảo VBQPPL được thực hiện như sau:“(1). Việc truyền thông được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến khi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thông qua hoặc ban hành. (2). Trừ văn

bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, nội dung truyền thông bao gồm: a) Sự cần thiết ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; b) Nội dung cơ bản bao gồm: nội dung mới, sửa đổi, bổ sung của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; c) Nội dung đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng nội dung truyền thông theo quy định tại khoản 2 Điều này bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu để đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình và tổ chức truyền thông bằng hình thức phù hợp”.

Như vậy, các quy định trên đã thể chế hóa mạnh mẽ yêu cầu về truyền thông. Luật đã thay đổi căn bản từ “yêu cầu lấy ý kiến” sang “yêu cầu truyền thông và giải trình chính sách” như một cấu phần của quy trình xây dựng văn bản. Trong đó đã yêu cầu các cơ quan soạn thảo phải xây dựng rõ ràng các nội dung chính sách, mục tiêu và tác động để người dân dễ dàng tiếp cận và góp ý. Việc truyền thông phải được đăng tải trên Cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình và tổ chức truyền thông bằng hình thức phù hợp. Bên cạnh đó, Luật cũng yêu cầu tăng cường trách nhiệm giải trình thông qua việc yêu cầu cơ quan soạn thảo phải nghiêm túc tổng hợp, phân tích và công khai giải trình về việc tiếp thu, chỉnh lý các ý kiến góp ý, tạo cơ chế giám sát đối với quá trình này.

Việc cụ thể hóa các yêu cầu này trong Luật là bằng chứng rõ ràng nhất về sự cần thiết của truyền thông như một công đoạn pháp lý bắt buộc, không chỉ là hoạt động hỗ trợ, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dự thảo văn bản QPPL. Trong những năm gần đây, công tác xây dựng VBQPPL trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có nhiều tiến bộ và đã tuân thủ nghiêm ngặt Luật Ban hành VBQPPL. Hoạt động lấy ý kiến được thực hiện thông qua Cổng/Trang Thông tin điện tử và gửi văn bản cho các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND cấp xã. Tuy nhiên, hiệu quả truyền thông chính sách vẫn còn những thách thức nhất định:

Thứ nhất, hình thức truyền thông chưa phong phú và chưa tới được đối tượng. Qua thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật thấy rằng, nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đang tham mưu dự thảo VBQPPL nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách, dự thảo VBQPPL theo quy định nói trên mà chủ yếu dừng lại ở việc đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hình thức này có thể hiệu quả với giới chuyên môn, doanh nghiệp lớn, nhưng chưa tiếp cận được sâu rộng đến người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Thứ hai, nội dung truyền thông còn nặng về “ngôn ngữ pháp lý”. Thực tế, các tài liệu truyền thông thường sao chép nguyên văn các điều khoản trong dự thảo, sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành phức tạp, khó hiểu. Điều này làm hạn chế khả năng tham gia góp ý của người dân. Sự cần thiết của chính sách là nội dung quan trọng nhất chưa được tóm tắt, diễn giải bằng ngôn ngữ đời thường, dễ hình dung về lợi ích và tác động.

Thứ ba, thiếu cơ chế phản hồi và giải trình hiệu quả. Thực tế, các cơ quan tham mưu soạn thảo đã thực hiện thu thập ý kiến, nhưng việc công khai giải trình về việc tiếp thu, chỉnh lý sau khi nhận ý kiến vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên và hệ thống. Điều này khiến người dân cảm thấy ý kiến của họ chưa được coi trọng, dẫn đến tâm lý e ngại tham gia đóng góp lần sau.

Để biến truyền thông chính sách thành “chìa khóa” nâng cao chất lượng VBQPPL trong thời gian tới, theo tôi các cơ quan tham mưu soạn thảo cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, đa dạng hóa kênh và hình thức truyền thông theo đặc thù địa phương. Trong đó, cơ quan soạn thảo cần phối hợp chặt chẽ với Báo và Phát thanh – Truyền hình tỉnh để xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tọa đàm ngắn gọn, sinh động, giải thích về các chính sách mới. Ưu tiên phát sóng vào các khung giờ

vàng và sử dụng tiếng dân tộc thiểu số (nếu cần) để tiếp cận cộng đồng dân cư đặc thù. Đồng thời, tận dụng hệ thống loa truyền thanh cơ sở để thông báo về các dự thảo quan trọng. Tổ chức các buổi đối thoại, hội thảo chuyên đề trực tiếp tại các xã, phường, nhất là nơi chịu tác động lớn của chính sách như tổ chức họp dân tại các dự án kinh tế trọng điểm. Bên cạnh đó, xây dựng các tài liệu truyền thông trực quan như infographics, video ngắn tóm tắt các nội dung cốt lõi để đăng tải trên Fanpage, Zalo chính thức của các cơ quan nhà nước tỉnh.

Hai là, chuyên nghiệp hóa và đơn giản hóa nội dung truyền thông. Theo đó, các cơ quan chủ trì soạn thảo cần phối hợp với các chuyên gia, người có kinh nghiệm truyền thông để xây dựng nội dung truyền thông đối với dự thảo. Nội dung truyền thông cần trả lời được các câu hỏi đơn giản như vì sao phải ban hành văn bản, văn bản này thay đổi điều gì, ai được lợi và ai bị tác động bởi chính sách. Đồng thời, có thể xây dựng tài liệu hỏi – đáp, dự đoán các câu hỏi phổ biến của người dân và doanh nghiệp để chủ động giải đáp, nhất là đối với các dự thảo có đối tượng tác động rộng, liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

Ba là, tăng cường trách nhiệm giải trình công khai và tương tác. Bên cạnh việc đăng tải dự thảo, cần thiết lập các kênh tiếp nhận ý kiến dễ dàng hơn như đường dây

nóng hoặc các form trực tuyến đơn giản. Đồng thời, cơ quan soạn thảo phải công bố rộng rãi Bảng tổng hợp ý kiến góp ý, giải trình rõ ràng lý do tiếp thu, chỉnh sửa hoặc không tiếp thu từng ý kiến chính. Việc này phải được xem là một tiêu chí bắt buộc để đánh giá hồ sơ trình HĐND/UBND tỉnh.

Bốn là, nâng cao năng lực cán bộ. Theo đó, cơ quan nhà nước cần tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng truyền thông chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật tại các Sở, Ban, ngành và UBND cấp xã. Trang bị kiến thức về truyền thông số, quản lý khủng hoảng truyền thông và kỹ năng đối thoại trực tiếp với công chúng.

Truyền thông chính sách là một phần không thể tách rời trong quy trình xây dựng VBQPPL hiện đại. Việc thực hiện tốt công tác này không chỉ đảm bảo tuân thủ các quy định mới của Luật Ban hành VBQPPL mà còn mang lại lợi ích thực tiễn to lớn trong việc nâng cao chất lượng chính sách, giảm thiểu rủi ro, tăng cường hiệu lực thi hành và củng cố sự đồng thuận xã hội. Tỉnh Quảng Trị xem công tác truyền thông dự thảo VBQPPL là một chiến lược đầu tư cho chất lượng quản trị, là phương thức hiệu quả nhất để đưa pháp luật đi vào cuộc sống, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của địa phương, xứng tầm với vai trò và tiềm năng của tỉnh trong khu vực miền Trung. □

Trợ giúp pháp lý - Điểm tựa của người yếu thế

■ TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC SỐ 1 TỈNH QUẢNG TRỊ

Trong một xã hội hiện đại, nơi pháp luật được coi là nền tảng điều chỉnh mọi mối quan hệ xã hội, quyền tiếp cận công lý là một trong những quyền cơ bản và thiết yếu của công dân. Tuy nhiên, không phải ai cũng có điều kiện như nhau để thực hiện quyền đó. Đặc biệt, những nhóm người yếu thế trong xã hội như người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người cao

tuổi, trẻ em, nạn nhân bạo lực... thường gặp nhiều rào cản trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong bối cảnh đó, trợ giúp pháp lý (TGPL) xuất hiện như một điểm tựa quan trọng, mang tính nhân văn sâu sắc, góp phần đảm bảo công bằng xã hội và khẳng định vai trò của Nhà nước pháp quyền.

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí dưới hình thức tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho người được TGPL trong vụ việc TGPL theo quy định của Luật TGPL, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Hiểu một cách đơn giản, TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho những người dân yếu thế không có khả năng chi trả các dịch vụ pháp lý có thu phí để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đây là một chính sách xã hội quan trọng, thể hiện tinh thần nhân đạo, nhân văn, công bằng và tôn trọng quyền con người trong việc tiếp cận pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Trong thực tế, nhiều người có hoàn cảnh yếu thế, đặc biệt là



Một buổi TGPL lưu động cho người dân ở cơ sở do Trung tâm TGPL nhà nước thực hiện

người nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người chưa thành niên, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn... không có đủ kỹ năng và kiến thức pháp lý để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc thực tiễn là không đủ tiền thuê luật sư khi gặp vướng mắc về mặt pháp lý. Họ có thể bị lừa đảo, bị xâm hại, bị đối xử bất công mà không biết kêu ai, kiện ai hoặc thậm chí không biết mình có quyền được bảo vệ. Chính vì vậy, TGPL không chỉ là “ngọn đèn soi đường” mà còn là “lá chắn” bảo vệ người yếu thế khỏi những bất công trong xã hội.

TGPL có vai trò to lớn trong việc đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật, một nguyên tắc cốt lõi của nhà nước pháp quyền. Khi người yếu thế được tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, họ có thể được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan tiến hành tố tụng, yêu cầu bồi thường thiệt hại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật và quan trọng hơn, họ được lắng nghe, được tôn trọng như bất kỳ công dân nào khác.

Ngoài ra, TGPL còn góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho cộng đồng. Thông qua các buổi tư vấn, truyền thông, phổ biến pháp luật, người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình, biết sống và làm việc theo pháp luật. Điều này có ý nghĩa sâu sắc trong việc phòng ngừa vi phạm pháp luật ngay từ cơ sở, góp phần xây dựng xã hội

ổn định, an toàn và văn minh.

Ngày 01/01/2018, Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực pháp luật (thay thế Luật TGPL năm 2006) đã mở ra một thời kỳ đổi mới cho hoạt động TGPL ở Việt Nam. Tại Quảng Trị, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Sở Tư pháp, các Trung tâm TGPL nhà nước tiếp tục được chú trọng tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện nguồn lực và đã triển khai thực hiện chính sách TGPL đồng bộ, hiệu quả.

Về thực hiện vụ việc TGPL: Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2025, các Trung tâm TGPL nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện TGPL hoàn thành 4.477 vụ việc, trong đó: tham gia tố tụng 3.283 vụ việc, tư vấn pháp luật 952 vụ việc, đại diện ngoài tố tụng 242 vụ việc cho người thuộc diện được TGPL, trong đó có nhiều người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, người chưa thành niên, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn... Nhiều vụ án dân sự tranh chấp tài sản có sự tham gia của TGPL đã giúp cho người yếu thế đòi lại được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình; nhiều vụ án hình sự, Trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa, bảo vệ giúp cho người yếu thế được giảm hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo tại địa phương; rất nhiều vụ việc được thẩm định, đánh giá và xác định là thành công, hiệu quả, góp phần giúp người

được TGPL giải quyết những vướng mắc về mặt pháp luật, giảm bớt khiếu kiện, khiếu nại, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa hạn chế, tranh chấp và vi phạm pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác truyền thông về TGPL có nhiều đổi mới. Để nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí cho người thuộc diện được TGPL, trên cơ sở các kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành, các Trung tâm TGPL nhà nước đã triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông về TGPL với nhiều hình thức thiết thực phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, lối sống và phong tục tập quán của từng vùng, miền, đạt được những kết quả đáng ghi nhận: đã tổ chức 943 hội nghị truyền thông về TGPL ở cơ sở với 55.209 người dân tham gia; lắp đặt 1.212 Bảng thông tin và hộp tin TGPL tại các cơ quan tiến hành tố tụng, Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Phòng tiếp công dân, cơ quan thanh tra của UBND cấp huyện cũ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các Đồn Biên phòng, UBND các xã nghèo, Nhà văn hóa các thôn, bản, tổ dân phố, tiểu khu, nhất là các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; phối hợp thực hiện một số chuyên mục “*Pháp luật & Đời sống*”

trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, chuyên mục “Giải đáp pháp luật” trên Bản tin Tư pháp, mục “Hỏi đáp pháp luật” trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, giới thiệu chức năng, nhiệm vụ và hoạt động TGPL trên hệ thống Đài phát thanh các huyện, thị xã, thành phố cũ và UBND cấp xã; biên soạn, in ấn, phát hành 142.500 tờ gấp pháp luật có nội dung truyền thông về quyền được TGPL, 5.100 tờ thông tin và 1.300 cuốn sổ tay pháp luật về TGPL; xây dựng 04 phóng sự về hoạt động TGPL miễn phí theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; thiết lập và duy trì số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm trong giờ hành chính để tiếp nhận các thông tin về yêu cầu TGPL của công dân, thông tin về việc phối hợp thực hiện TGPL của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động TGPL...; in đĩa CD về TGPL và cấp phát cho UBND cấp xã để phát trên hệ thống phát thanh của địa phương.

Thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về TGPL đã góp phần nâng cao nhận thức về TGPL trong toàn xã hội. Tỷ lệ người dân biết về tổ chức và hoạt động TGPL nói chung và biết về quyền được TGPL tăng cao, ngày càng có nhiều người dân tìm đến với các tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL để yêu cầu được TGPL khi có phát sinh vụ việc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Mặc dù đã được Đảng và Nhà nước quan tâm ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp, UBND tỉnh và Sở Tư pháp thường xuyên chỉ đạo triển khai thực hiện, nhưng công tác TGPL hiện nay vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào hoạt động TGPL mới ở bước đầu, chưa tạo nhiều thuận lợi cho người dân, một số người dân không có thiết bị điện tử thông minh, không có khả năng để thực hiện các thao tác nộp hồ sơ trực tuyến; công tác truyền thông về TGPL chưa đến được với nhiều người dân; người thuộc diện được TGPL ở vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với dịch vụ TGPL; nhận thức của một số cơ quan, tổ chức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của hoạt động TGPL, do đó chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp thực hiện việc giới thiệu người thuộc diện được TGPL đang có nhu cầu đến các tổ chức thực hiện TGPL; nhận thức của một số bộ phận người dân về vị trí, vai trò, hiệu quả TGPL còn hạn chế nên khi có vướng mắc pháp luật họ chưa tìm đến Trung tâm hoặc tổ chức thực hiện TGPL để yêu cầu giúp đỡ; trách nhiệm, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, đơn vị liên quan có lúc chưa cao trong việc hướng dẫn, giải thích, giới thiệu, thông báo, thông tin về TGPL cho người dân.

Để TGPL thật sự trở thành

“điểm tựa” vững chắc cho người yếu thế, trước yêu cầu tiếp tục triển khai hiệu quả tinh thần, nội dung Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới: “*Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật*”; “*Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước*”. Trong thời gian tới, cần triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để phát triển bền vững công tác TGPL như sau:

Trước hết, Nhà nước cần tiếp tục có chính sách phù hợp, tập trung đầu tư nguồn lực tương xứng cho ngành Tư pháp nói chung và đầu tư nguồn lực cho hệ thống TGPL, các tổ chức thực hiện TGPL nói riêng; không ngừng kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện TGPL, đảm bảo họ không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có ý thức trách nhiệm cao, nhiệt huyết, yêu nghề và thấu hiểu tâm lý, hoàn cảnh của người dân.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo,

Trợ giúp viên pháp lý tham gia phiên tòa để bào chữa cho người được TGPL



nâng cao nhận thức trong toàn xã hội đối với công tác TGPL; đẩy mạnh công tác phối hợp trong hoạt động TGPL giữa các cơ quan nhà nước, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, đoàn thể liên quan theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Nhất là việc thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định phối hợp thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HONĐ, UBND cấp xã trong lĩnh vực tư pháp; Chương trình phối hợp số 1603/CTPH-BTP-TANDTC ngày 19/5/2022 giữa

Bộ Tư pháp với Tòa án nhân dân tối cao về việc người thực hiện TGPL trực tại Tòa án và Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA ngày 27/11/2023 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an về trực TGPL trong điều tra hình sự.

Thứ ba, tiếp tục tăng cường công tác truyền thông về TGPL bằng nhiều hình thức phù hợp như: tổ chức các hội nghị truyền thông về TGPL về cơ sở, nhất là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các địa bàn thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển - là những nơi mà người dân ít có điều kiện tiếp cận pháp luật nói chung và chính sách về TGPL nói riêng, phối hợp với chính quyền cơ sở về việc lắp đặt các bảng thông tin về TGPL ở các thôn, bản, tổ dân phố..., cấp phát tờ rơi, tờ gấp, sách pháp luật bỏ túi để người dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt thông tin.

Thứ tư, hiện đại hoá, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động TGPL để giúp người

dân dễ dàng tiếp cận chính sách TGPL, giúp nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian và nguồn lực, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ cho người dân, đặc biệt là những đối tượng yếu thế...

Như vậy, TGPL không chỉ là một dịch vụ pháp lý, mà còn là một biểu hiện cụ thể của tinh thần nhân văn, của trách nhiệm xã hội và của sự tiến bộ của chính sách. Trong bối cảnh xã hội ngày càng phức tạp, dân trí càng cao, tranh chấp xảy ra càng nhiều thì việc hỗ trợ người yếu thế tiếp cận pháp luật là cách để duy trì sự công bằng, củng cố lòng tin vào Đảng và Nhà nước pháp quyền và quan trọng hơn, khẳng định rằng công lý là quyền của tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo, mạnh yếu. Chính vì vậy, cần các cơ quan, ban ngành có liên quan tích cực phối hợp, chung tay để TGPL không chỉ là "điểm tựa", mà còn là cánh cửa mở ra hy vọng cho những số phận dễ bị tổn thương trong xã hội ngày nay. □

Một số vấn đề về thẩm quyền công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

■ NGỌC HUYỀN

Tại Việt Nam, căn cứ nội dung Mục 1 Chương III Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) thì thẩm quyền công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN thuộc về Tòa án (thẩm quyền theo loại việc). Theo Điều 2 Quyết định số 453/QĐ-CTN ngày 28 tháng 7 năm 1995 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc tham gia Công ước New York năm 1958 thì việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN sẽ chỉ áp dụng Công ước đối với tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật thương mại. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5 Điều 31 BLTTDS năm 2015 thì yêu cầu về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

là yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết kinh doanh, thương mại của trọng tài nước ngoài (TTNN).

Về thẩm quyền theo cấp, trước khi Việt Nam thực hiện việc sắp xếp, tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân cũng như điều chỉnh quy định về thẩm quyền của Tòa án để phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì Tòa án có thẩm quyền xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN là Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Hiện nay, theo khoản 2 Điều 1

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu quy định tại Điều 31 của Bộ luật này. Tức là, tại Việt Nam hiện nay, thẩm quyền xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN thuộc về Tòa án nhân dân khu vực.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi cá nhân phải thi hành án cư trú hoặc làm việc, cơ quan hoặc tổ chức phải thi hành án có trụ sở, có tài sản liên quan đến

việc thi hành phán quyết của TTNN. Tòa án sẽ trả lại hồ sơ theo quy định tại Điều 455 và điểm c khoản 1 Điều 364 BLTTDS năm 2015 nếu không thể xác định được tòa án có thẩm quyền do người phải thi hành không cư trú, làm việc, không có trụ sở và tài sản tại Việt Nam.

Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực nơi cá nhân phải thi hành án cư trú hoặc làm việc, cơ quan hoặc tổ chức phải thi hành án có trụ sở, có tài sản liên quan đến việc thi hành phán quyết của TTNN là cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN tại Việt Nam.

Trong khi, Công ước New York năm 1958 chỉ quy định chung về chủ thể công nhận và thi hành phán quyết TTNN là cơ quan có thẩm quyền của nước, nơi việc công nhận và thi hành được yêu cầu. Tại Đức, thẩm quyền công nhận và thi hành phán quyết TTNN được quy định tại Điều 1062 Luật Trọng tài Đức (German Arbitration Act, 1998). Theo đó, Tòa án cấp cao của bang (Oberlandesgericht) là tòa án có thẩm quyền công nhận và thi hành phán quyết TTNN. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 1062 Luật Trọng tài Đức thì Tòa án cấp cao của bang được chỉ định trong thỏa thuận trọng tài sẽ có thẩm quyền. Trong trường hợp

không có chỉ định thì sẽ dựa theo khu vực mà địa điểm trọng tài được đặt. Nếu địa điểm trọng tài không ở Đức thì thẩm quyền thuộc về Tòa án cấp cao của bang nơi bên phản đối đơn có trụ sở kinh doanh hoặc nơi thường trú, hoặc nơi có tài sản của bên phản đối đơn hoặc có tài sản đang tranh chấp hoặc bị ảnh hưởng bởi biện pháp đang được áp dụng. Nếu không thuộc các trường hợp trên thì Tòa án cấp cao Berlin (Kammergericht) sẽ có thẩm quyền. Tại Vương quốc Anh, căn cứ Điều 101 và Điều 105 Luật Trọng tài Vương quốc Anh thì Tòa án thành phố (county court) hoặc Tòa án cấp cao (High court) là cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN.

Từ thực tiễn nghiên cứu pháp luật của một số nước cho thấy: so với quy định của Công ước New York năm 1958, pháp luật Việt Nam đã cụ thể hóa và chỉ rõ đích danh cơ quan có thẩm quyền. So với quy định của Luật Trọng tài Đức, pháp luật Đức quy định rộng hơn khi các bên tranh chấp có thể lựa chọn Tòa án tại thỏa thuận trọng tài và trong trường hợp không có Tòa án nào đáp ứng điều kiện về thẩm quyền thì Tòa án cấp cao Berlin (Kammergericht) sẽ có thẩm quyền giải quyết, chứ

không quy định việc trả lại hồ sơ như theo pháp luật Việt Nam. Quy định của pháp luật Đức đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN khi các chủ thể không gặp phải khó khăn trong việc yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết vì lý do thẩm quyền. So với quy định của Luật Trọng tài Vương quốc Anh, quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN là khá tương đồng.

Như vậy, khi tranh chấp xảy ra, các bên có lợi ích bị xâm phạm sẽ có nhu cầu tìm đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, vì vậy pháp luật điều chỉnh về thẩm quyền cũng góp phần tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong giải quyết tranh chấp. Đồng thời, quy định về thẩm quyền còn nhằm ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền lực. Bởi vì, khi một chủ thể hành động vượt quá quyền hạn của mình, hay nói cách khác là giải quyết một vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì quyết định đó có thể bị coi là vô hiệu. Đây cũng là cách để đảm bảo mọi hành động của các chủ thể có thẩm quyền đều được giám sát và kiểm soát một cách chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật. □

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội

■ PHƯƠNG THIÊN

Giám sát, phản biện xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; đồng thời tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thời gian qua, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Trị đã chú trọng, triển khai nhiều hoạt động, mang lại những kết quả thiết thực.

Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW về giám sát, phản biện xã hội; góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, UBMTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Trị xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện tốt hơn chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, đã tập trung triển khai có hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

Hàng năm, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phản biện xã hội, tập trung vào các nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp

pháp, chính đáng của Nhân dân. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tham gia góp ý và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với các dự thảo văn bản quan trọng của Trung ương và địa phương như: dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 2013, dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và một số đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội... Toàn tỉnh đã tổ chức trên 2.450 hội nghị lấy ý kiến, thu hút hơn 133.900 lượt ý kiến góp ý từ Nhân dân và các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra, UBMTTQ Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở đã thực hiện hoạt động phản biện xã hội đối với nhiều dự thảo luật, nghị quyết, quyết định quan trọng như: Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi), Luật Thực hiện dân

chủ ở cơ sở, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về bảng giá đất và Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định về hỗ trợ vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất... Chất lượng hoạt động phản biện xã hội ngày càng được nâng cao, các ý kiến của Mặt trận trong các hội nghị phản biện, góp ý các dự thảo văn bản được cơ quan soạn thảo, các cấp, các ngành tiếp thu, có văn bản tổng hợp và chỉnh lý, bổ sung, qua đó góp phần nâng cao chất lượng các chương trình, đề án, quy hoạch, những chính sách lớn của tỉnh góp phần làm cho chính sách sát hơn với thực tiễn. Trong 9 tháng đầu năm 2025, UBMTTQ Việt Nam tỉnh đã tham gia góp ý gần 120 dự thảo Luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chương trình, đề án, dự thảo



Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng; báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030

như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật MTTQ Việt Nam; Luật Công đoàn và Luật Thanh niên; Luật Thực hiện DCCS; Luật Đường sắt (sửa đổi); Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân (sửa đổi); Luật tổ chức TAND (sửa đổi); Luật Thanh tra (sửa đổi)...

MTTQ các cấp trong tỉnh cũng đã tổng hợp gần 4.023 nhóm ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời phản ánh đến cấp ủy, chính quyền. Những vấn đề liên quan đến đời sống, lao động việc làm, an sinh xã hội, đất đai, môi trường, giáo dục, y tế... đều được đưa vào nghị trường, qua đó góp phần hoạch định, điều chỉnh chính sách.

Cùng với phản biện, hoạt động giám sát được triển khai toàn diện. MTTQVN tỉnh Quảng Bình cũ và tỉnh Quảng Trị cũ trước khi sáp nhập hai tỉnh đã tiến hành giám sát việc thực hiện Chương trình

xóa nhà tạm, nhà dột nát tại 9 huyện, thị xã, thành phố; giám sát trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; giám sát việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15; giám sát công tác phát triển cán bộ dân tộc thiểu số theo Kết luận số 65-KL/TW; giám sát phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Hoạt động giám sát của MTTQ các cấp trong tỉnh triển khai bám sát cơ sở, phát huy vai trò của Nhân dân và các tổ chức thành viên. Thành lập các đoàn kiểm tra thực địa tại huyện Hướng Hóa và Đakrông (cũ) - địa phương có nhiều hộ nghèo, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ban Chỉ đạo Chương trình, Ủy ban MTTQ tỉnh đã tiến hành 47 đợt kiểm tra tại các xã trọng điểm nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và tính minh bạch trong thực hiện chính

sách hỗ trợ nhà ở... Quá trình giám sát được gắn với việc tiếp thu ý kiến Nhân dân, kịp thời xử lý vướng mắc phát sinh, nhất là trong khâu xác định đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã giám sát qua nghiên cứu báo cáo đối với 78 xã, phường, đặc khu về "Thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và một số thủ tục hành chính công phục vụ người dân sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã". Tham gia Đoàn giám sát của Liên đoàn lao động tỉnh về nội dung "Việc thực hiện một số quy định của pháp luật lao động về xây dựng và thực hiện nội quy lao động, Quy chế dân chủ ở cơ sở, ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, Bảo hiểm xã hội và thực hiện trích đóng 2% kinh phí công đoàn tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh".

(Xem tiếp trang 41)

Công tác kiểm sát án dân sự hành trình gìn giữ công lý và niềm tin của Nhân dân

■ THU HIỀN,
Viện KSND tỉnh Quảng Trị

Trong công tác kiểm sát, khi nhắc đến lĩnh vực hình sự, nhiều người thường hình dung ngay đến những cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt chống tội phạm. Thế nhưng, ít ai biết rằng ở một “mặt trận thầm lặng” khác – kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, những Kiểm sát viên vẫn ngày ngày lặng lẽ cống hiến, với niềm đam mê và trách nhiệm không hề kém cạnh. Nhiều người đùa rằng, làm kiểm sát án dân sự là “âm thầm, ít ai biết, không oai như hình sự”. Nhưng càng gắn bó, tôi càng nhận ra đây chính là lĩnh vực góp phần trực tiếp giữ gìn sự ổn định, đoàn kết trong cộng đồng, đem lại sự an tâm cho người dân và thể hiện rõ nét tinh thần “có lý, có tình” của pháp luật.

Những câu chuyện đời thường tại tòa

Trong hơn mười năm gắn bó với công tác kiểm sát án dân sự, tôi đã chứng kiến nhiều vụ án in đậm dấu ấn, để lại những suy nghĩ sâu xa về trách nhiệm và sứ mệnh của người Kiểm sát viên. Trong rất nhiều vụ án mà tôi đã tham gia giải quyết, có một vụ án mà tôi luôn nhớ và suy nghĩ về nó: đó là hành trình đi đòi lại mảnh đất của đôi vợ chồng cán bộ ngành đường sắt khi tuổi đã xế chiều mắt đã mờ, tai đã không nghe rõ, trong khi bạn bè, đồng nghiệp được giao đất như ông đều có mái nhà ổn định, thì ông bà vẫn phải đi tìm nơi che mưa nắng, chỉ vì thiếu hiểu biết pháp luật mà chậm trễ trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Trong những lần tiếp xúc, tôi thấy ở họ không chỉ là sự mệt mỏi, mà còn cả nỗi

khát khao có một mái ấm bình yên trong quãng đời còn lại. Tại phiên tòa, tôi cùng Thẩm phán đã hướng dẫn họ cách bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Dẫn hành trình ấy chưa khép lại, nhưng sâu trong lòng, tôi cảm nhận rõ sự thương cảm và trân trọng nghị lực của họ. Đó chính là giá trị nhân văn mà công tác kiểm sát dân sự mang lại – không chỉ là giám sát pháp lý, mà còn là sự đồng hành, sẻ chia với những phận đời.

Vai trò đặc biệt của Viện kiểm sát trong án dân sự

Khác với hình sự, trong các vụ án dân sự, Kiểm sát viên không phải để “buộc tội” hay “bảo vệ” bên nào, mà giữ vai trò bảo đảm mọi hoạt động tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật, để từ đó bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Công tác kiểm sát dân sự trải dài trên nhiều khâu:

Kiểm sát việc thụ lý: bảo đảm đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án được tiếp nhận đúng quy định. Kiểm sát hoạt động hòa giải, thu thập chứng cứ: bảo đảm quyền tố tụng của các bên được tôn trọng; Kiểm sát phiên tòa: bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, xét xử công khai, công bằng; Kiểm sát bản án, quyết định: bảo đảm phán quyết có căn cứ, đúng pháp luật. Trong từng công đoạn ấy, Kiểm sát viên vừa là “người

gác cửa công lý”, vừa là “người bạn đồng hành” để bảo đảm không một quyền lợi hợp pháp nào bị bỏ quên, không một thủ tục pháp lý nào bị xem nhẹ.

Kháng nghị, kiến nghị – “lá chắn pháp lý”

Một trọng trách quan trọng khác là phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án. Khi phát hiện sai sót, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị, kiến nghị. Đây không chỉ là sự điều chỉnh những sai phạm pháp lý cụ thể, mà còn là biện pháp phòng ngừa chung, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Mỗi bản kháng nghị, kiến nghị kịp thời giống như một “lá chắn pháp lý”, góp phần khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân. Nhờ đó, người dân ngày càng tin tưởng rằng, bên cạnh Tòa án, luôn có một lực lượng âm thầm nhưng kiên định – đó là Viện kiểm sát – đang bảo vệ sự công bằng và lẽ phải.

Niềm tự hào thầm lặng của Kiểm sát viên

Niềm vui lớn nhất của tôi không phải là khi bản án có hiệu lực, mà là khi thấy đương sự rời phiên tòa với ánh mắt nhẹ nhõm, nụ cười an tâm. Có thể họ không thắng kiện, nhưng họ cảm nhận rằng

mình đã được lắng nghe, được tôn trọng và công lý đã được thực thi. Trong suốt quá trình công tác, tôi may mắn nhận được sự ghi nhận của lãnh đạo, sự tin tưởng của đồng nghiệp, sự tín nhiệm của Hội đồng xét xử. Đó là niềm tự hào, nhưng đồng thời cũng là áp lực để tôi không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, trau dồi chuyên môn, giữ gìn sự chuẩn mực của người Kiểm sát viên. Có thể công việc của chúng tôi không ồn ào, ít khi được nhắc đến, nhưng chính sự trầm lặng ấy lại mang giá trị cao quý. Nó nuôi dưỡng đam mê nghề nghiệp, khẳng định ý nghĩa sâu xa của công tác kiểm sát dân sự – một công việc vừa mang tính pháp lý, vừa thấm đẫm tính nhân văn.

Mỗi vụ án mà chúng tôi góp sức giải quyết không chỉ là một bản án khô khan, mà còn là một mảnh ghép quan trọng trong việc xây dựng niềm tin của nhân dân vào pháp luật và ngành Kiểm sát. Chính từ những “phiên tòa lặng lẽ” ấy, từ những bản kháng nghị, kiến nghị kịp thời, chúng tôi tìm thấy niềm đam mê, sự tự hào và ý nghĩa trọn vẹn của nghề. Âm thầm nhưng đầy ý nghĩa – đó chính là hành trình của người Kiểm sát viên dân sự, người luôn kiên định bảo vệ công lý, để niềm tin của Nhân dân vào pháp luật mãi vững bền. □

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ VIỆC NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, HIỆN NAY

■ HẢI DŨNG

Bình đẳng giới là một trong những mục tiêu quan trọng của sự phát triển bền vững và là thước đo mức độ văn minh của một xã hội. Tại Việt Nam, cuộc đấu tranh cho bình đẳng giới gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, trong đó, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là ngọn đuốc soi đường, đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ. Người không chỉ là vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc mà còn là một nhà tư tưởng lớn, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho quyền con người, đặc biệt là quyền của phụ nữ.

Di sản tư tưởng của Người về bình đẳng giới đến nay vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Trong bối cảnh đất nước đang trên đà hội nhập và phát triển, việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng

cao nhận thức và hành động về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trở thành một yêu cầu cấp thiết. Bài viết này sẽ tập trung phân tích những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới, đánh giá thực trạng nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức hiện nay và đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm đưa tư tưởng của Người vào cuộc sống, góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam thực sự công bằng, dân chủ, văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới được hình thành và phát triển dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và chủ nghĩa Mác-Lênin. Lịch sử Việt Nam đã ghi danh những nữ anh hùng hào kiệt như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, những người đã lãnh đạo Nhân dân chống giặc ngoại xâm. Truyền thống đó khẳng

định vai trò và vị thế quan trọng của người phụ nữ trong lịch sử dân tộc. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy giá trị này, coi đó là một niềm tự hào và là cơ sở để khẳng định tiềm năng to lớn của phụ nữ.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Hồ Chí Minh đã tận mắt chứng kiến nỗi thống khổ của Nhân dân, trong đó người phụ nữ là tầng lớp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất. Họ phải chịu “một cổ hai tròng”, vừa bị áp bức bởi chế độ thực dân, phong kiến, vừa bị trói buộc bởi những định kiến, hủ tục hà khắc của xã hội gia trưởng (trọng nam khinh nữ, tam tòng tứ đức...). Chính sự đồng cảm sâu sắc với thân phận người phụ nữ đã thôi thúc Người quyết tâm tìm con đường giải phóng cho họ. Trong quá trình hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những tư tưởng tiến bộ về quyền con người, quyền phụ nữ của các cuộc cách mạng dân chủ

tư sản. Đặc biệt, khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã tìm thấy con đường giải phóng con người một cách triệt để. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ, khẳng định rằng giải phóng phụ nữ phải gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng toàn xã hội. Người đã chỉ rõ “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”⁽¹⁾.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bình đẳng giới là một hệ thống toàn diện, sâu sắc, thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới được thể hiện trên các lĩnh vực như: Bình đẳng về chính trị, bình đẳng về kinh tế, bình đẳng về văn hóa, xã hội và giáo dục, bình đẳng trong gia đình.

Bình đẳng về chính trị, đây là nội dung quan trọng hàng đầu. Người khẳng định phụ nữ có quyền và nghĩa vụ tham gia vào các công việc chính trị, quản lý nhà nước và xã hội như nam giới. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người đã đề nghị phải thực hiện ngay quyền bình đẳng cho phụ nữ và ghi nhận tại Điều 1 Hiến pháp năm 1946 “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không

phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Người chỉ rõ “Đàn bà cũng được tự do, bất phân nam nữ, đều cho bình quyền”⁽²⁾, coi phụ nữ là một lực lượng cách mạng quan trọng. Người luôn khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia vào các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Bình đẳng về kinh tế được thể hiện là Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng phụ nữ phải được giải phóng về kinh tế, có việc làm, có thu nhập, tự chủ về tài chính thì mới có thể có địa vị bình đẳng thực sự. Người yêu cầu phải thực hiện nguyên tắc “Nam nữ bình quyền”, “Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình”⁽³⁾. Người đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho phụ nữ, tạo điều kiện cho họ tham gia vào mọi ngành nghề sản xuất, kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

Bình đẳng về văn hóa, xã hội và giáo dục, Người coi dốt nát là một trong những kẻ thù lớn nhất kìm hãm sự phát triển của phụ nữ. Do đó, Người luôn khuyến khích phụ nữ phải nỗ lực học tập để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật. Người chỉ rõ: Phụ nữ cũng là người chủ của nước nhà. Để xứng đáng với địa vị ấy, chị em phải cố gắng học tập. Người cũng là người tiên phong trong việc đấu tranh xóa bỏ các hủ tục, định kiến lạc hậu đối với phụ nữ như nạn tảo hôn, ép gả, tư

tướng “trọng nam khinh nữ”.

Bình đẳng trong gia đình, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của gia đình và khẳng định bình đẳng giới phải được bắt đầu từ chính trong gia đình. Người cho rằng, gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có hòa thuận, hạnh phúc thì xã hội mới ổn định, phát triển. Trong gia đình, vợ chồng phải bình đẳng, tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, cùng nhau nuôi dạy con cái và gánh vác việc nhà. Người đã dạy “Đàn ông là người công dân, đàn bà cũng là người công dân, dù là vợ chồng, người công dân này đánh người công dân khác tức là phạm pháp”⁽⁴⁾. Đây là một tư tưởng rất tiến bộ, vượt xa quan niệm truyền thống coi việc nhà là của riêng phụ nữ.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới là sự giải phóng phụ nữ một cách toàn diện, không chỉ là trao cho họ quyền lợi mà quan trọng hơn là tạo điều kiện để họ phát huy hết mọi khả năng, trí tuệ và phẩm chất của mình, thực sự trở thành “một nửa của xã hội”.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới (như Luật Bình đẳng giới năm 2006, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới...) và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đa số cán bộ, công chức, viên chức đã nhận thức được tầm quan trọng của bình đẳng giới, coi đây là một tiêu chí phát triển và là yêu cầu của hội nhập quốc

tế. Nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được lồng ghép yếu tố bình đẳng giới. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những người làm công tác xây dựng thể chế, đã nỗ lực tham mưu, xây dựng hệ thống chính sách tương đối đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện bình đẳng giới. Vai trò và vị thế của phụ nữ trong hệ thống chính trị ngày càng được khẳng định. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nữ cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước tăng lên, thể hiện sự nỗ lực trong công tác cán bộ nữ. Các cấp, các ngành đã có nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, góp phần thay đổi dần những định kiến giới trong xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhận thức và hành động về bình đẳng giới của một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn những vấn đề đáng quan tâm: Một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn coi bình đẳng giới là công việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ, chưa thực sự thấm nhuần và coi đó là trách nhiệm của bản thân, của cơ quan, đơn vị mình. Việc lồng ghép giới trong hoạch định chính sách đôi khi còn có mặt hạn chế. Một số gia đình vẫn cho rằng việc nhà, chăm sóc con cái là trách nhiệm chính của phụ nữ. Điều này tạo ra áp lực lớn, ảnh hưởng đến cơ hội học tập, phấn đấu và thăng tiến của phụ nữ trong công việc. Một số cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết các vụ việc

liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái (như bạo lực gia đình, xâm hại tình dục) còn thiếu kỹ năng, kinh nghiệm dẫn đến khó khăn trong quá trình xử lý. Một số cán bộ chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để phân tích tác động của chính sách đối với nam và nữ, dẫn đến một số chính sách ban hành đôi khi chưa tạo ra sự bình đẳng thực chất.

Để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ, công chức, viên chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả đưa ra một số giải pháp như sau:

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới thấm sâu vào nhận thức của mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

Đưa nội dung về bình đẳng giới và tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ thành một chuyên đề bắt buộc trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho mọi cấp cán bộ. Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề để cán bộ, công chức, viên chức có cơ hội trao đổi, thảo luận, nhận diện và xóa bỏ những định kiến giới của chính bản thân mình. Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc tuyên truyền, nêu gương các mô hình tốt, các điển hình cán bộ, công chức, viên chức (cả nam và nữ) đi đầu trong thực hiện bình đẳng giới.

Hai là, hoàn thiện và thực thi nghiêm túc hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là người đứng đầu, phải chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản liên quan tại cơ quan, đơn vị mình. Đưa các chỉ tiêu về bình đẳng giới (như tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, lãnh đạo; các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới...) vào hệ thống chỉ tiêu đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu, ban hành các chính sách cụ thể, thiết thực hơn để hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức cân bằng giữa công việc và gia đình, như chính sách về nhà trẻ, trường mẫu giáo tại công sở, chế độ làm việc linh hoạt...

Ba là, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Người đứng đầu phải là người có nhận thức đúng đắn nhất và hành động quyết liệt nhất vì bình đẳng giới. Sự gương mẫu của họ trong việc tôn trọng, tin tưởng, giao nhiệm vụ và tạo điều kiện cho cán bộ nữ phát triển sẽ có tác động lan tỏa mạnh mẽ. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ nữ một cách thực chất, dựa trên năng lực và phẩm chất, chống lại mọi biểu hiện định kiến, hẹp hòi trong công tác cán bộ.

Bốn là, nâng cao năng lực cho chính đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức.

Bản thân mỗi nữ cán bộ, công chức, viên chức phải

không ngừng học tập, rèn luyện theo tấm gương của Bác, tự tin, chủ động vượt qua mọi rào cản, định kiến để khẳng định năng lực của mình. Các cơ quan, đơn vị cần tạo môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng, khuyến khích phụ nữ phát huy sáng kiến, mạnh dạn đóng góp ý kiến và tham gia vào các vị trí thách thức hơn.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, trong

việc thực hiện bình đẳng giới tại các cơ quan nhà nước. Xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, phân biệt đối xử với phụ nữ trong công sở để tạo sự răn đe.

Nói tóm lại, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Điều đó đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của từng cơ quan, đơn vị và quan trọng nhất là sự chuyển biến từ trong nhận thức đến hành động của mỗi cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt

bình đẳng giới không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là biểu hiện của đạo đức công vụ, là góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, nơi mọi người dân, không phân biệt giới tính, đều có cơ hội phát triển toàn diện và đóng góp cho xã hội.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia 2011, tập 7, tr.340.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG 2011, t.3, tr.206.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.593.

(4) Bài nói với cán bộ tỉnh Hà Tây (10/2/1967) Hồ Chí Minh. Toàn tập, t.12, tr 221-226.

Ủy ban...

(Tiếp theo trang 35)

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong giám sát việc thực thi pháp luật và chính sách tại cơ sở. Thông qua việc tổ chức 2.810 cuộc giám sát, tập trung vào các công trình, dự án xây dựng cơ bản và đầu tư công tại địa bàn. Qua đó, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý nhiều tồn tại, sai sót, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong thực hiện các dự án đầu tư ở cơ sở; đồng thời, tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, góp phần tích cực để công tác giám sát đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã phối hợp với Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư và các cơ quan liên quan trong công tác giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở. Đồng thời nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân

dân, gắn với việc triển khai thực hiện Kết luận 124-KL/TW của Ban Bí thư về "Giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên" và công tác PCTNTCLP. Kết quả giám sát đã được HĐND, UBND tỉnh và nhiều cơ quan liên quan tiếp thu, điều chỉnh. Ở phường Đồng Thuận, bà Nguyễn Thị Ngọc Trang chia sẻ: "*Chúng tôi thấy rõ vai trò giám sát của Mặt trận, qua đó, nhiều chính sách hỗ trợ an sinh triển khai minh bạch, tạo sự yên tâm, tin tưởng*".

Còn tại xã Hương Hiệp, bà Nguyễn Thị Lương - Chủ tịch MTTQVN xã Hương Hiệp nhìn nhận: "*Mặt trận giữ vai trò cầu nối quan trọng giữa Nhân dân với cấp uỷ, chính quyền, nhiều vướng mắc trong các chương trình hỗ trợ đã được tháo gỡ kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho bà con vùng khó khăn*".

Những kết quả đạt được đã khẳng định vai trò của MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Trị trong việc củng cố niềm tin Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững, quốc phòng - an ninh của tỉnh. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đánh giá xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

■ NHẬT VŨ

Để tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm, thực hiện quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; đồng thời, nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch, vì nhân dân phục vụ; xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, lành mạnh cho người dân trong bối cảnh mới về sắp xếp, tinh gọn bộ máy; ngày 04/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 thay thế Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã,

phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ra đời, tạo bước đột phá về mặt thể chế trong công tác đánh giá xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp một số khó khăn nhất định, cụ thể như sau:

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI MANG TÍNH ĐỘT PHÁ VỀ MẶT THỂ CHẾ

Thứ nhất, các tiêu chí tiếp cận pháp luật được quy định theo hướng tinh gọn, định lượng cụ thể: Một số tiêu chí tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg có phạm vi tương đối rộng với nhiều chỉ tiêu, nội dung liên quan đến nhiều ngành, khó kiểm chứng tính xác thực, có nội hàm chưa rõ ràng, chung chung, khó định lượng, khó kiểm chứng, chưa thực sự phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương hoặc không còn phù hợp với các văn bản quy

phạm pháp luật mới được ban hành. Để khắc phục những bất cập nêu trên, Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chí tiếp cận pháp luật theo hướng tinh gọn gồm 03 tiêu chí và 14 chỉ tiêu thành phần, tập trung vào những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành tư pháp (Tiêu chí 01: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Tiêu chí 2: Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật và Tiêu chí 03: Hòa giải ở cơ sở).

Thứ hai, sửa đổi quy định về điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cụ thể và sát với thực tế hơn: Theo quy định của Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg thì điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận theo hướng không quy định điểm số đối với từng chỉ tiêu, bỏ điều kiện “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền

xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự". Theo đó, khoản 1 Điều 5 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đạt đủ các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Điều 4 của Quyết định này. Đồng thời giao cho Bộ Tư pháp quy định cụ thể về nội dung, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Thứ ba, bổ sung quy định chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Để phù hợp và triển khai các chương trình, kế hoạch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nói chung và công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg bổ sung quy định việc phổ biến, giáo dục pháp luật buộc phải áp dụng công nghệ số, đăng tải thông tin, niêm yết điện tử, tin tức công khai... nhằm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân.

Thứ tư, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quy định phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Quyết định số 27/2025/

QĐ-TTg quy định trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng được sửa đổi theo hướng đơn giản, phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tự đánh giá; Sở Tư pháp tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Bộ quy định về Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, do không còn đơn vị hành chính cấp huyện.

Thứ năm, linh hoạt về thời gian đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Nhằm tạo sự linh hoạt trong việc tổ chức đánh giá, tạo thuận lợi cho việc sử dụng kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong đánh giá các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh và "xã, phường, thị trấn tiêu biểu", Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg chỉ quy định UBND cấp xã phải gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật lên Sở Tư pháp trước ngày 25/11 năm đánh giá. UBND cấp tỉnh quy định thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (UBND cấp tỉnh có thể yêu cầu cấp xã triển khai tổ chức đánh

giá và nộp hồ sơ sớm hơn thời hạn 25/11).

Thứ sáu, minh bạch, lấy ý kiến nhân dân, công khai bản tự đánh giá: Xã, phường, đặc khu phải tự đánh giá, công khai kết quả, lấy ý kiến người dân, tổ chức. Hồ sơ công nhận phải có bản tiếp thu, giải trình ý kiến của người dân nếu có.

Thứ bảy, tăng cường phân cấp cho địa phương quyết định: Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho địa phương, khoản 4 Điều 7 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; chỉ đạo xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

VỀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/2025/QĐ-TTg

Bên cạnh những điểm mới mang tính đột phá, việc triển khai Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg đối diện với một số khó khăn trong triển khai thực hiện. Cụ thể:

Thứ nhất, về nguồn lực: Hiện nay, nhiều xã, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc khu đang thiếu nguồn lực là cán

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

bộ, công chức có trình độ về lĩnh vực công nghệ thông tin, lĩnh vực này chủ yếu đang được kiêm nhiệm; hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều đơn vị, địa phương chưa đồng bộ, còn thiếu các hệ thống máy chủ, thiết bị bảo mật; đường truyền mạng ở một số địa phương còn chậm, thiếu ổn định; trang thiết bị phục vụ công tác số hóa, truyền thông số còn hạn chế nên khó để thực hiện đầy đủ các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật, nhất là công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ hai, về công tác thẩm định hồ sơ đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật: Tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tổ chức thẩm định bằng hình thức phù hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của từng đơn vị cấp xã; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” là quá ngắn. Hiện nay, theo chủ trương sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp thì số lượng đơn vị cấp xã thuộc tỉnh rất lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh: có 168 đơn vị cấp xã; tỉnh Thanh Hóa có 166 đơn vị cấp xã; tỉnh Quảng Trị có 78 đơn vị cấp xã... Với số lượng đơn vị cấp xã trực thuộc tỉnh như vậy nhưng số lượng công

chức phụ trách lĩnh vực đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tại các Sở Tư pháp ít (tại mỗi Sở Tư pháp thường bố trí 01 công chức phụ trách lĩnh vực này) với quy định thời hạn trong 10 ngày làm việc để hoàn thành thẩm định, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các đơn vị cấp xã trên toàn tỉnh; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là quá ngắn, khó để triển khai thực hiện theo quy định nêu trên.

Thứ ba, nhận thức và sự tham gia của người dân: Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg thì Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết hoặc đăng tải công khai kết quả tự đánh giá ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều người dân chưa có thói quen tham gia phản biện, góp ý đối với hoạt động của chính quyền hoặc ngại bày tỏ ý kiến. Do đó, khi Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến, đa số người dân thường không tham gia ý kiến hoặc tham gia mang tính hình thức dẫn đến kết quả phản hồi chưa phản ánh đúng thực chất.

Thứ tư, sự tương thích với các chương trình, tiêu chí khác: Tiêu chí tiếp cận pháp luật cũng là một thành phần trong Bộ tiêu

chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh. Mỗi chương trình đều có Bộ Tiêu chí riêng, quá trình triển khai thực hiện dễ gây ra chồng chéo, không thống nhất. Để thực hiện đồng thời, hiệu quả Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg với các chương trình nêu trên cần có sự thống nhất về mặt thể chế và có sự phối hợp hài hòa giữa các ngành, các cấp và địa phương trong triển khai thực hiện.

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, để bảo đảm triển khai thực hiện tốt, hiệu quả Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg, các ngành, các cấp cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác đào tạo kỹ năng, trình độ về công nghệ thông tin hoặc bố trí cán bộ, công chức chuyên trách để thực hiện công tác này tại địa phương. Bố trí ngân sách hợp lý; đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ công khai thông tin, chuyển đổi số.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử các ngành và địa phương, ứng dụng các nền tảng số, chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến để tích hợp các tiêu chí tiếp cận pháp luật cho người dân dễ dàng tiếp cận và tham gia.

(Xem tiếp trang 48)

NỘI LUẬT HÓA CÔNG ƯỚC CITES

trong bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm ở Việt Nam

■ LÊ QUANG

Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) năm 1973 là Hiệp định giữa các chính phủ, được thiết lập nhằm mục tiêu kiểm soát hoạt động buôn bán quốc tế mẫu vật của các loài động, thực vật hoang dã một cách bền vững, đảm bảo rằng hoạt động này không làm ảnh hưởng đến sự tồn vong của loài trong tự nhiên. Việt Nam tham gia vào Công ước CITES năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121 trên tổng số 184 quốc gia thành viên. Sau hơn 30 năm Việt Nam tham gia vào Công ước CITES, công tác bảo vệ động thực vật hoang dã và nguy cấp tại Việt Nam ngày càng được quan tâm triển khai thực hiện bằng khung pháp lý từ trung ương đến địa phương; qua đó từng

bước hoàn thiện cơ chế quản lý và bảo tồn động vật hoang dã, quý hiếm, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Các văn bản quan trọng phải kể đến như:

Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018). Trước thời điểm ban hành luật này, các vấn đề về đa dạng sinh học được quy định trong các văn bản liên quan đến Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Luật Đa dạng sinh học đưa ra các quy định về hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững, xác định quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, cá nhân, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng đối với việc bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học. Luật dành riêng Chương IV với 18 điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật. Theo đó, các

loài động vật hoang dã sẽ được xem xét đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm bảo vệ những vật nuôi đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng, quy định loài hoang dã bị cấm khai thác và loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên. Điều 7 của luật này nghiêm cấm các hành vi như săn bắt, đánh bắt và khai thác các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học; săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc danh mục

loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ...

Luật Lâm nghiệp năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, thay thế cho Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004. Đây là văn bản pháp luật quan trọng quy định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; quyền và trách nhiệm của chủ rừng. Luật Lâm nghiệp nghiêm cấm mọi hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái phép. Đồng thời, Luật cũng quy định việc khai thác, động vật rừng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Hoạt động kinh doanh, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh thực vật rừng, động vật rừng phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Tại Điều 38 quy định về việc bảo vệ động, thực vật rừng có xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo vệ động vật hoang dã: “*Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm phải được lập danh mục để quản lý, bảo vệ. Chính phủ quy định Danh mục và chế độ quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng*

nguy cấp, quý, hiếm; trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”. Luật Lâm nghiệp cũng quy định người thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Để cụ thể hóa hơn nội dung Công ước CITES mà Việt Nam là thành viên, Chính phủ đã ban hành hệ thống các quy phạm pháp luật quy định về quản lý việc bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm như Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019) về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Nghị định quy định hệ thống các tiêu chí để đánh giá và xác định loài động vật hoang dã đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, loài được đưa vào Danh mục nếu (i) số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng và (ii) là loài đặc hữu có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử.

Ngoài ra, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp cũng được ban hành để triển khai Công ước CITES. Đây là văn bản quy định trực tiếp, đầy đủ nhất về việc thực thi Công ước CITES; thay thế Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Theo đó, “*động vật hoang dã, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau: Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp,*

quý, hiếm; Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; Loài động vật rừng thông thường; Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.” (khoản 29). Nghị định số 06/2019/NĐ-CP chia động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thành 2 nhóm dựa trên mức độ nguy cấp và sự cần thiết bảo vệ của pháp luật đối với các loài đó, bao gồm: (1) Nhóm IB: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; và (2) Nhóm IIB: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; Nghị định cũng quy định về điều kiện nuôi động vật rừng thông thường; trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động khai thác; nuôi, trồng; chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày; vận chuyển, cất giữ; xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh đối với các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm của các cơ quan liên quan

trong việc kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES như cơ quan Kiểm lâm, Thủy sản, Hải quan, Công an, Bộ đội Biên phòng, Thuế, Quản lý thị trường, Thú y, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật, Bảo vệ môi trường, Bảo tồn đa dạng sinh học trong phạm vi chức năng thanh tra, kiểm tra, cung cấp thông tin, phối hợp với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh, nhập nội từ biển, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES (khoản 2 Điều 39 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP).

Về điều kiện nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại, phải có phương án nuôi, trồng theo Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP (khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP và khoản 2,

khoản 3 Điều 14 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP), trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh (khoản 7 Điều 1 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP).

Ngoài ra, quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm còn được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 cụ thể đó là “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*” (Điều 234) và “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” (Điều 244). Theo đó, đối với động vật hoang dã, các hành vi như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES có thể bị phạt tù đến 12 năm; pháp nhân có thể bị phạt tiền đến 6 tỷ đồng, bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 234). Đối với động vật nguy cấp, quý, hiếm, người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý,

hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES có thể bị phạt tù lên tới 15 năm; đối với pháp nhân thì có thể bị phạt tiền đến 10 tỷ đồng, bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 244).

Ngoài các văn bản quan trọng nêu trên, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi liên quan đến động vật hoang dã, quý hiếm được quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ, như: Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống

vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp...

Công tác bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm ở Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng nhờ vào việc nội luật hóa Công ước CITES một cách chặt chẽ. Hệ thống pháp luật đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc, quy định rõ ràng về các hành vi

bị nghiêm cấm, cơ chế quản lý, chế tài xử phạt và trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Tuy nhiên, để công tác này đạt hiệu quả cao trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng và đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng. Khi đó, việc bảo tồn động vật hoang dã, quý hiếm không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan chức năng mà còn là ý thức chung của toàn xã hội, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ sinh thái và duy trì vẻ đẹp đa dạng sinh học của đất nước. □

Một số giải pháp...

(Tiếp theo trang 44)

Thứ ba, phát huy ý thức tự giác tham gia thực chất của người dân. Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến (như thông qua các cuộc họp, hội nghị của thôn, bản, tổ dân phố; các hoạt động của tổ chức, đoàn thể và tổ hòa giải); tuyên truyền qua loa truyền thanh ở cơ sở; nền tảng số, mạng xã hội, bảo đảm quyền tự do góp ý của mọi người dân, không kỳ thị, phân biệt đối với các ý kiến trái chiều, tạo tâm lý an toàn để người dân mạnh dạn bày tỏ chính kiến.

Thứ tư, nâng cao chất lượng thẩm định và giám sát công tác đánh giá chuẩn tiếp cận của các địa phương. Xây dựng quy trình thẩm định khoa học, minh bạch; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; công khai kết quả đánh giá để người dân giám sát.

Thứ năm, trong quá trình triển khai thực hiện cần phối hợp đồng bộ, hài hòa giữa các chương

trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh... Tăng cường hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương; xây dựng mô hình điểm để nhân rộng; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Có thể khẳng định, Quyết định 27/2025/QĐ-TTg là bước đột phá trong việc thể chế hóa chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN từ cơ sở. Quyết định 27/2025/QĐ-TTg không chỉ nâng cao tính công khai, minh bạch, mà còn khuyến khích chính quyền gần dân hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn. Thành công của chính sách này sẽ phụ thuộc nhiều vào sự chuẩn bị của các địa phương, sự đồng hành của ngành Tư pháp và trên hết là sự tham gia tích cực, thực chất của người dân. Đây cũng là yếu tố quyết định để Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg thực sự đi vào cuộc sống, trở thành động lực mới cho quản trị hiện đại, dân chủ và bền vững ở cấp cơ sở. □

Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động theo Bộ luật Lao động năm 2019

■ TRẦN CÔNG TRUNG

Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ) của người lao động (NLĐ) là một trong những quyền cơ bản nhằm bảo vệ quyền tự do làm việc, lựa chọn việc làm và dịch chuyển lao động, thể hiện bản chất nhân văn của pháp luật lao động. Bộ luật Lao động (BLLĐ) năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, đã có những sửa đổi quan trọng, đặc biệt là việc mở rộng và linh hoạt hóa quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ không cần lý do đối với NLĐ đi kèm với việc điều chỉnh nghĩa vụ báo trước. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định về quyền đơn phương chấm dứt

HĐLĐ của NLĐ theo BLLĐ năm 2019, từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện. Nội dung của bài viết được khái quát dưới một số khía cạnh như sau:

Một là, thực trạng pháp luật về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động (NLĐ) theo BLLĐ năm 2019

Trước đây, theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Lao động năm 2012 về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động thì người lao động làm việc theo từng dạng hợp đồng lao động muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn thì cần phải có những điều kiện cụ thể như: không được bố trí theo đúng

công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động; không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động; bị ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động;...

Hiện nay, theo quy định tại Điều 35 BLLĐ năm 2019 về quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ của NLĐ thì NLĐ có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ mà không cần lý do, chỉ cần thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước. Điều này áp dụng cho mọi loại HĐLĐ (không xác định thời hạn, xác định thời hạn). Trong đó, nghĩa vụ báo trước được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 35 và phụ thuộc

vào loại hợp đồng: HĐLĐ không xác định thời hạn: ít nhất 45 ngày; HĐLĐ xác định thời hạn từ 12-36 tháng: ít nhất 30 ngày; HĐLĐ xác định thời hạn dưới 12 tháng: ít nhất 03 ngày làm việc. Mặt khác, BLLĐ năm 2019 quy định NLĐ có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ không cần báo trước. Cụ thể, khoản 3 Điều 35 liệt kê 7 trường hợp NLĐ có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ mà không cần báo trước (ví dụ: không được bố trí đúng việc làm, không được trả lương đúng hạn, bị người sử dụng lao động (NSDLĐ) ngược đãi, quấy rối tình dục, hoặc do thai sản). Các lý do này nhằm bảo vệ quyền lợi và sức khỏe của NLĐ khi quyền lợi bị xâm phạm nghiêm trọng.

Những quy định của pháp luật hiện hành về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng của NLĐ đã có những ưu điểm nổi trội như:

Thứ nhất, quy định mới đã thể hiện rõ hơn tinh thần bảo vệ quyền con người, quyền tự do lao động theo xu hướng hội nhập quốc tế. NLĐ được thực hiện quyền tự do lựa chọn việc làm của mình, phù hợp với Hiến pháp và các công ước quốc tế về lao động. Họ không bị buộc phải gắn bó với một công việc nếu không muốn hoặc cảm thấy không phù hợp, ngay cả khi không có lý do cụ thể và rõ ràng để chứng minh. NLĐ không phải

chịu áp lực hay sự thẩm vấn của NSDLĐ về các lý do cá nhân (sức khỏe, gia đình, cơ hội mới, mâu thuẫn nội bộ không tiện trình bày,...) khi quyết định nghỉ việc.

Thứ hai, tăng tính linh hoạt và tự chủ. NLĐ có quyền chủ động chấm dứt HĐLĐ để tìm kiếm cơ hội tốt hơn mà không bị ràng buộc bởi các "lý do chính đáng" phức tạp, giảm thiểu tranh chấp về "lý do". Việc cho phép NLĐ dễ dàng chuyển đổi công việc (chỉ cần tuân thủ thời gian báo trước) giúp thị trường lao động linh hoạt hơn, cho phép người lao động nhanh chóng nắm bắt các cơ hội việc làm tốt hơn, phù hợp với năng lực và nguyện vọng của họ. Sự di chuyển của lao động khuyến khích các doanh nghiệp phải cạnh tranh không chỉ về tiền lương mà còn về môi trường làm việc, phúc lợi, và cơ hội thăng tiến để giữ chân nhân tài.

Thứ ba, bảo vệ NLĐ bị xâm hại. Quy định cho phép người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không cần báo trước là một cơ chế đặc biệt, được thiết lập nhằm bảo vệ NLĐ một cách tối đa trong các tình huống mà quyền lợi và sự an toàn của họ bị xâm phạm nghiêm trọng. Quy định này giúp bảo vệ NLĐ bằng cách cho phép họ rời khỏi môi trường độc hại hoặc vi phạm pháp luật ngay lập tức, không cần chờ đợi thời gian báo trước.

Thứ tư, công bằng hơn. Giảm sự mất cân bằng quyền lực giữa NSDLĐ và NLĐ. Trong khi NSDLĐ có nhiều quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi NLĐ vi phạm hoặc do thay đổi cơ cấu, quy định này cung cấp một quyền tương đương cho NLĐ, đảm bảo rằng NLĐ không phải là bên hoàn toàn yếu thế trong hợp đồng. Đồng thời, giảm thiểu tranh chấp pháp lý: Bằng cách loại bỏ yêu cầu chứng minh lý do, quy định này giảm thiểu các tranh chấp phát sinh từ việc NSDLĐ cố gắng phủ nhận lý do nghỉ việc của NLĐ hoặc buộc NLĐ phải tiếp tục làm việc.

Thứ năm, tăng hiệu suất công việc, loại bỏ lao động không hiệu quả. Khi người lao động không còn hứng thú hoặc động lực làm việc (dù không có lỗi cụ thể), việc cho phép họ rời đi một cách hợp pháp sẽ giúp NSDLĐ sớm tuyển dụng người mới có động lực hơn, duy trì hiệu suất chung của doanh nghiệp.

Hai là, thực tiễn thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của NLĐ

Trong thực tiễn, việc mở rộng quyền đơn phương chấm dứt đã được nhiều NLĐ áp dụng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều biến động và thiếu hụt nhân lực ở một số ngành nghề. Điều đó dẫn đến hệ quả:

Một là, tỷ lệ NLD chủ động nghỉ việc tăng: Quyền không cần lý do giúp NLD dễ dàng chuyển đổi công việc. Điều này thúc đẩy sự dịch chuyển lao động, tăng tính cạnh tranh của thị trường và tạo động lực để NSDLĐ cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ.

Hai là, giảm tranh chấp về lý do nghỉ việc: Tranh chấp về việc nghỉ việc giờ đây chủ yếu tập trung vào việc tuân thủ nghĩa vụ báo trước và thủ tục bàn giao.

Bên cạnh những mặt tích cực, thực tiễn thực hiện cũng bộc lộ một số vấn đề cần quan tâm. Có thể khái quát thành các thách thức và hạn chế như sau:

Thứ nhất, đối với nghĩa vụ báo trước. Vấn đề này sẽ gây khó khăn cho NSDLĐ: Nghĩa vụ báo trước (45 ngày/30 ngày) đôi khi vẫn còn耿耿 đối với NSDLĐ trong việc tìm kiếm, đào tạo nhân sự thay thế cho vị trí chuyên môn cao, gây gián đoạn sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, đối với ý thức tuân thủ của NLD: Trên thực tế, nhiều NLD, đặc biệt là lao động phổ thông, vẫn thường bỏ việc đột ngột mà không tuân thủ nghĩa vụ báo trước, dẫn đến việc NSDLĐ khó khăn trong việc quản lý nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến bồi thường (nếu có).

Thứ hai, tranh chấp về “không cần báo trước”. Mặc dù luật đã liệt kê các trường hợp được chấm dứt không cần báo trước, nhưng việc chứng minh các căn cứ này (ví dụ: bị ngược đãi, quấy rối tình dục, không được bố trí đúng công việc) trong thực tế vẫn còn là thách thức đối với NLD, đòi hỏi thủ tục tố tụng hoặc thanh tra phức tạp.

Thứ ba, ảnh hưởng đến tính ổn định của quan hệ lao động. Việc quá dễ dàng chấm dứt HĐLĐ có thể làm giảm tính cam kết và ổn định trong quan hệ lao động, đặc biệt ở những doanh nghiệp cần sự gắn bó và đầu tư đào tạo lớn cho NLD.

Ba là, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực tiễn

Để tối ưu hóa quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ của NLD được quy định trong BLLĐ năm 2019 cần tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện chế tài. Cần có hướng dẫn chi tiết và chế tài đủ mạnh, rõ ràng hơn để xử lý các trường hợp NLD vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ báo trước, đặc biệt là trong bối cảnh bỏ việc đột ngột gây thiệt hại cho NSDLĐ.

Thứ hai, nâng cao nhận thức pháp luật. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến BLLĐ 2019 đến cả NSDLĐ và NLD để mọi chủ thể hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ báo trước.

Thứ ba, tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước. Cơ quan thanh tra lao động cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về môi trường làm việc, phòng chống quấy rối, ngược đãi để bảo vệ NLD và làm căn cứ giải quyết tranh chấp khi NLD chấm dứt HĐLĐ không cần báo trước.

Thứ tư, thúc đẩy đối thoại xã hội. Khuyến khích NSDLĐ và NLD thỏa thuận rõ ràng hơn về thủ tục chấm dứt HĐLĐ trong nội quy và HĐLĐ, tạo kênh đối thoại cởi mở để NLD có thể bày tỏ nguyện vọng trước khi đưa ra quyết định nghỉ việc.

BLLĐ năm 2019 đã có nhiều quy định mới trong việc tôn trọng quyền tự do lao động của NLD thông qua việc linh hoạt hóa quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ. Việc thực hiện quyền này trong thực tiễn đã mang lại nhiều tác động tích cực cho thị trường lao động, nhưng cũng đặt ra những thách thức về tính ổn định và sự tuân thủ nghĩa vụ báo trước. Việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là các quy định hướng dẫn chi tiết và tăng cường công tác thực thi là yếu tố then chốt để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa NLD và NSDLĐ, góp phần xây dựng một thị trường lao động bền vững và công bằng hơn. □

Niềm tin và ánh sáng

Giữa trời xanh có muôn vì tinh tú
Giữa cuộc đời cần luật lệ công minh
Tỏa ánh sáng khắp miền xuôi, ngược
Giữ bình yên tình nghĩa, nhân sinh

Bản Hiến pháp những khuôn lễ soi chiếu
Đến mỗi sóc buôn, phố thị, thôn làng
Có pháp luật dòng sông thêm trong biếc
Tươi mát lành từng ruộng lúa, mái hiên

Ngày Pháp luật hàng năm -
Dịp nhắc nhở mọi người
Biết tuân thủ, thi hành và tôn vinh pháp lý
Là dịp tốt cho cơ quan, đoàn thể
Phổ biến, tuyên truyền, khen thưởng, biểu dương

Khi mỗi công dân mang ý thức thượng tôn
Hoa tự do nở tươi vườn phép nước
Ngọn đuốc niềm tin soi sáng đường đi tới
Cây công bằng quả chín mọng kỷ cương

Ngày Pháp luật hàng năm như một mốc son
Đưa đất nước vào hành trình lập hiến
Nước có chủ quyền dân luôn bình đẳng
Bền vững âu vàng nghe biển hát muôn năm...

10-2025

NGUYỄN TIẾN NÊN



Ra Côn Cỏ

Sóng reo quanh đảo đầy vui.
Tàu rời Cửa Việt bến trời gần xa,
Lắng nghe con sóng vui ca.
Tàu vừa cập đảo cho ta bao điều,
Lắng nghe chuyện kể bấy nhiêu,
Một thời oanh liệt thêm yêu đất này.
Lá cờ Tổ quốc tung bay,
Lòng thêm yêu đảo bao ngày đã qua,
Căn hầm xưa gọi cho ta,
Bao nhiêu kỷ niệm đậm đà yêu thương,
Cây bàng vuông đáng kiên cường,
Là cây di sản thân thương giữa trời,
Đảo xa vũng giữa trùng khơi,
Mắt thần trên đảo biển trời bình yên,
Yêu đất nước - sử Rồng Tiên,
Yêu thêm Côn Cỏ dịu hiền hôm nay.

LÊ HUẤN



Câu 1: Ông Lê Văn Kim (Lệ Thủy, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí?

Trả lời: Tại Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí như sau:

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

a) Học sinh, sinh viên học các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tư thục có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đàn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống.

b) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.

c) Học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm: học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc

bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Đối tượng được hỗ trợ học phí gồm:

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Học viên sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú chuyên khoa chuyên ngành tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, truyền nhiễm và hồi sức cấp cứu tại cơ sở giáo dục tư thục thuộc khối ngành sức khỏe.

Câu 2: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan (Quảng Ninh, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về các trường hợp cấp lại giấy chứng sinh, hồ sơ và thủ tục thực hiện cấp lại giấy chứng sinh?

Trả lời: Tại Điều 4 Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh quy định về các trường hợp cấp lại giấy chứng sinh, hồ sơ và thủ tục thực hiện cấp lại giấy chứng sinh như sau:

1. Các trường hợp được cấp lại giấy chứng sinh: giấy chứng sinh đã được cấp có nhầm lẫn, thiếu thông tin; giấy chứng sinh bị mất, rách, nát.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng sinh đã cấp (trừ trường hợp đề nghị cấp lại do mất);

c) Giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung nhầm lẫn hoặc còn thiếu đối với trường hợp cấp lại do nhầm lẫn, thiếu thông tin.

3. Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh:

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

a) Người mẹ sinh ra trẻ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin của người mẹ hoặc thông tin không chính xác thì không cấp lại giấy chứng sinh.

c) Mã số giấy chứng sinh cấp lại phải sử dụng mã số của giấy chứng sinh cũ đã cấp. Giấy chứng sinh cấp lại được lưu tại cơ sở

khám bệnh, chữa bệnh cùng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh.

Câu 3: Bà Hoàng Hoài Thương (Vĩnh Linh, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập?

Trả lời: Căn cứ Điều 5 Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập quy định về tiền lương dạy thêm giờ như sau:

1. Tiền lương 01 tiết dạy của nhà giáo được xác định như sau:

a) Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường chuyên biệt và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức tiết dạy/năm học}} \times \frac{\text{Số tuần giảng dạy hoặc dạy trẻ (không bao gồm số tuần dự phòng)}}{52 \text{ tuần}}$$

b) Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trường chính trị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức tiết dạy/năm học}} \times \frac{\text{Định mức tiết dạy/năm học tính theo giờ hành chính}}{1760 \text{ giờ}} \times \frac{44 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}}$$

c) Đối với nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hoặc nhà giáo được phân công làm nhiệm vụ Tổng phụ trách Đội, cán bộ Đoàn, Hội ở cơ sở giáo dục, định mức tiết dạy/năm học theo công thức tính tại điểm a, điểm b khoản này được tính là định mức tiết dạy/năm học của nhà giáo cùng cấp học, trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục đó.

2. Tiền lương 01 tiết dạy thêm = Tiền

lương 01 tiết dạy x 150%.

3. Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = Số tiết dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 tiết dạy thêm.

4. Tiền lương làm thêm giờ đối với nhà giáo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định về tiền lương làm thêm giờ của pháp luật về lao động.

TRUNG TÂM TGPLNN SỐ 1

TIN HOẠT ĐỘNG

Nâng cao năng lực, kiến thức về trợ giúp pháp lý cho người có uy tín và đội ngũ cán bộ ở cơ sở

Trong các ngày 8-9/10/2025, tại tỉnh Quảng Trị, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kiến thức về trợ giúp pháp lý điểm cho người có uy tín và đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Tại Hội nghị, các đại biểu là đại diện các tổ chức, cơ quan đoàn thể, người có uy tín thuộc các phường Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn và xã Đông Trạch đã được nghe các báo cáo viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Quảng Trị truyền đạt nhiều nội dung quan trọng của Luật Trợ giúp pháp lý, trong đó tập trung vào các vấn đề thiết thực như: người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, cách thức gửi yêu cầu, hình thức và phạm vi thực hiện, quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý...

Bác báo cáo viên nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác trợ giúp pháp lý trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, trong đó có người nghèo, người có công với cách mạng và những người có khó khăn về tài chính ở địa phương, nhất là sau khi thực hiện sáp nhập các phường, xã. Sau sáp nhập, số lượng người dân của mỗi phường/xã tăng, đòi hỏi cán bộ chi hội đoàn thể và cán bộ ở cơ sở phường/Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn và xã Đông Trạch cần phải cố gắng nhiều hơn để tuyên truyền, hướng dẫn về trợ giúp pháp lý cho người dân để tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý khi có vướng mắc pháp luật.

Thông qua các hội nghị đã cung cấp thông tin tổng quan về chính sách và pháp luật trợ giúp pháp lý, giúp học viên hiểu và xác định được phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý, nhận diện các đối tượng thuộc diện được trợ giúp miễn phí; đặc biệt là kỹ năng hướng dẫn, giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý và trách nhiệm thông tin, giới thiệu người được trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị.

Nhìn chung, các đại biểu tham dự đều cho rằng những kiến thức về pháp luật trợ giúp pháp lý giúp họ phát huy tốt vai trò nòng cốt trong công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương. Một số đại biểu đề xuất mong muốn Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý tiếp tục tổ chức thêm nhiều hơn nữa các Hội nghị về trợ giúp pháp lý, đặc biệt là các Hội nghị chuyên sâu về pháp luật đất đai, pháp luật dành cho trẻ em, phụ nữ,... Hoạt động tập huấn đã góp phần triển khai hiệu quả nội dung trợ giúp pháp lý trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và khẳng định sự nỗ lực của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp trong việc phổ cập kiến thức pháp luật về trợ giúp pháp lý đến với người dân.

HÙNG PHAN

Viện kiểm sát khẳng định chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật qua phiên giám đốc thẩm đầu tiên

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị vừa mở phiên tòa giám đốc thẩm đầu tiên để xem xét lại một quyết định dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật theo kháng nghị của Viện kiểm sát. Đây là vụ việc mang ý nghĩa quan trọng, khẳng định rõ chức năng, vai trò của Viện kiểm sát về việc kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Thông tư số 03/2025/TT-VKSTC ngày 30/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án khu vực nếu phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

Thông qua chức năng kiểm sát, bản án, quyết định của Tòa án khu vực do Viện kiểm

TIN HOẠT ĐỘNG

sát khu vực chuyển lên, Viện kiểm sát tỉnh Quảng Trị đã phát hiện sai sót nghiêm trọng trong việc xác định nghĩa vụ nộp án phí dân sự. Tại một quyết định sơ thẩm Tòa án khu vực đã tuyên 2 bị đơn trong vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành với tổng số tiền là 65.122.203 đồng để sung quỹ Nhà nước. Trong đó, bà T người cao tuổi được miễn số tiền $\frac{1}{2}$ án phí, bà N phải nộp 32.561.101 đồng là không chính xác. Theo quy định của pháp luật về án phí tổng số tiền án phí đúng quy định pháp luật phải là: 54.244.406 đồng (không phải 65.122.000 đồng như Tòa án xác định), mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ mức án phí hòa giải thành là 27.122.203 đồng (không phải 32.561.000 đồng), bà T chỉ được miễn $\frac{1}{2}$ án phí của mình, phần nộp thay không được miễn. Sai sót nghiêm trọng này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của đương sự mà còn gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị giám đốc thẩm yêu cầu xem xét lại quyết định sơ thẩm.

Tại phiên giám đốc thẩm, Hội đồng xét xử đã thẩm tra hồ sơ, nghe ý kiến của Viện kiểm sát và kết luận kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng tuyên chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa quyết định sơ thẩm theo hướng: Buộc bà N nộp án phí hòa giải thành là 27.122.203 đồng, bà T được miễn phần án phí của mình nhưng phải chịu nộp 13.561.101 đồng là phần án phí bà chịu nộp thay cho nguyên đơn.

Kết quả của phiên tòa giám đốc thẩm không chỉ đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất, công bằng, bảo vệ lợi ích của Nhà nước mà còn khẳng định Viện kiểm sát đã thực hiện đúng chức năng hiến định. Đây là vụ việc đầu tiên ở Quảng Trị được giải quyết theo thẩm quyền mới. Ý nghĩa không chỉ dừng ở việc giải quyết một vụ án cụ thể, mà còn khẳng định rõ vai trò của Viện kiểm sát trong lĩnh vực dân sự, đó là kịp thời phát hiện vi phạm, kháng nghị và yêu cầu khắc phục sai sót trong xét xử, qua đó bảo

đảm pháp luật được thực thi nghiêm minh, thống nhất bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào hoạt động tư pháp.

THU HIỂN

Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp Quảng Trị tích cực tham gia hoạt động tạo nguồn kinh phí tổ chức chương trình “Ánh trăng vùng cao” năm 2025

Nhằm phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện, tương thân tương ái và chia sẻ khó khăn với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã tích cực hưởng ứng chương trình “Ánh trăng vùng cao” năm 2025.

Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025, Chi đoàn tham gia hoạt động tạo nguồn kinh phí tổ chức chương trình thông qua việc mua các sản phẩm của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị. Hoạt động này được triển khai theo Kế hoạch số 11-KH/ĐTN ngày 29/8/2025 của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức bán sản phẩm gây quỹ thực hiện Chương trình “Ánh trăng vùng cao” năm 2025. Kết quả sau hoạt động, Chi đoàn đã phát động đoàn viên tham gia mua 37 sản phẩm, vượt chỉ tiêu do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh UBND tỉnh giao, với số tiền là 6.707.000 đồng.

Thông qua hoạt động thể hiện tinh thần trách nhiệm, sẻ chia, “tương thân tương ái” của đoàn viên Chi đoàn Sở Tư pháp Quảng Trị, lan tỏa yêu thương đến trẻ em vùng cao; đồng thời góp phần quảng bá, giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương, đặc biệt là thương hiệu gạo Quảng Trị đến với người tiêu dùng. Qua đó, hoạt động vừa mang giá trị nhân văn sâu sắc, vừa thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, quảng bá hình ảnh con người và quê hương Quảng Trị.

CHI ĐOÀN CƠ SỞ SỞ TƯ PHÁP

Không có tội tình gì

Trong lúc xưng tội, cô gái nghiêng sát vào tấm lưới và nói: Xin cha hãy tha cho con tội tự đắc, vì hằng ngày, con đều soi gương và tự nhủ rằng mình thật xinh đẹp.

Cha nghiêng mình về phía tấm lưới để quan sát kỹ cô gái, rồi nói: Cha cho con biết một tin vui: Đây không phải là hành vi phạm tội, mà chỉ là một sự nhầm lẫn.

Oan cho tiệm em lăm

Một người đi đường dắt chiếc xe máy bị nổ bánh vào tiệm sửa xe và cần nhân: “Bọn làm ăn bất lương rải đinh dọc đường, thế nào cũng có ngày bị trời phạt”.

Tay thợ sửa xe nghe thấy vậy, vội rút chiếc đinh ra đưa cho khách phân bua: Anh nói vậy oan cho tiệm em lăm. Loại đinh của tiệm em là đinh móc chứ không phải đinh thoi này đâu.

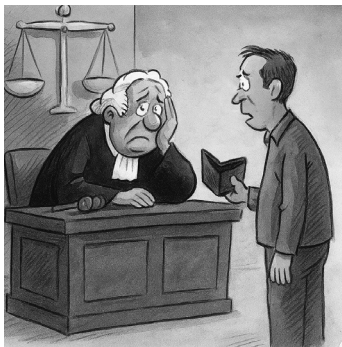
Quan tòa cũng bó tay

Quan tòa nói với bị cáo: Tại sao anh không mang nộp ngay chiếc bóp mà anh cho là đã nhặt được?

Bị cáo: Tôi có mang nộp đấy chứ, nhưng lúc đó trong đồn cảnh sát chẳng có người nào.

Quan tòa: Vậy sao hôm sau anh không quay lại?

Bị cáo: Vì hôm sau trong bóp lại chẳng còn đồng nào



La sao được

Một người đàn ông hốt hải chạy đến gần người cảnh sát đang đi tuần: Ông cảnh sát ơi! Cách đây mấy phút có một thằng ăn cướp đã giật mất cái đồng hồ của tôi ở đường phố X, khu M.

Thế sao ông không la lớn lên? Lúc này tôi đang đi tuần ở gần đấy!

La sao được thưa ông? Bởi vì trong miệng tôi có tới 5 chiếc răng vàng cơ mà!

Đẩy xe phụ tôi

Vào một ngày nọ, một người đàn ông tan ca về khuya. Ông ta leo lên một chiếc xe buýt và ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Thời gian vẫn trôi đi, ông ta vẫn ngủ, xe buýt vẫn chạy. Chợt ông ta giật mình thức dậy và thấy xung quanh mình ko còn ai, đường phố thì cũng vắng tanh... Tài xế cũng biến đâu mất tiêu luôn... Nhưng một điều kì lạ đó là xe vẫn lăn bánh một cách chậm rãi. Ông ta hoảng hốt hét lên “Cứu tôi với!” Không ai trả lời. Bỗng có tiếng hét lên “Cứu gì, xuống đẩy xe phụ tôi coi”

Vượt ngục

Có 2 tên tù có ý định vượt ngục nhưng cửa ngục luôn luôn khoá rất kỹ. Nhưng rồi sau một thời gian chúng cũng vất vả rèn được một cái chìa khoá có thể mở được cửa nhà tù. Đêm hôm đó, một tên đi trước cầm chìa khoá để mở cửa. Sau một lúc hấn hốt hoảng quay lại và nói:

- Thôi chết rồi! Đêm nay chúng ta không thoát được rồi.

- Sao vậy ?

- Đêm nay cai ngục lại không khoá cửa.

PHÒNG PBGDPL&TĐTHPL (Sưu tầm)

